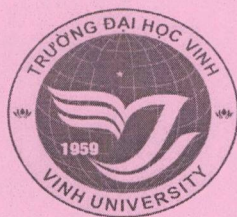


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, tháng 9 năm 2021

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, tháng 9 năm 2021



DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh

(Kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch	
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên	
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
13	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Phó Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	
14	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	
15	Bà Trần Thị Ngọc Yến	TBM PPGD Tiếng Anh	Thành viên	
16	Ông Hoàng Tăng Đức	TBM Kỹ năng Tiếng Anh	Thành viên	
17	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó TBM Lý thuyết Tiếng Anh	Thành viên	
18	Ông Nguyễn Duy Bình	TBM Biên phiên dịch Tiếng Anh	Thành viên	
19	Ông Nguyễn Hồng Thăng	Sinh viên lớp 59A, SP Tiếng Anh	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
Tiêu chuẩn 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	25
Tiêu chuẩn 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	35
Tiêu chuẩn 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	48
Tiêu chuẩn 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	62
Tiêu chuẩn 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	79
Tiêu chuẩn 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	111
Tiêu chuẩn 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	123
Tiêu chuẩn 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	139
Tiêu chuẩn 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	156
Tiêu chuẩn 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA	178
PHẦN III. KẾT LUẬN	194
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	194
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.....	199
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT	202
PHẦN IV. PHỤ LỤC	209

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	BGH	Ban giám hiệu
2	CLB	Câu lạc bộ
3	CTĐT	Chương trình đào tạo
4	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
5	ĐGN	Đánh giá ngoài
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	GV	Giảng viên
8	NCKH	Nghiên cứu khoa học
9	SPTA	Sư phạm tiếng Anh
10	SV	Sinh viên

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Đối sánh mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý GD của nhà trường và các văn bản của nhà nước	15
Bảng 2.1: So sánh Bản mô tả CTĐT ngành SPTA năm 20.....	26
Bảng 2.2: So sánh đề cương môn học của khóa 57, 58 và 61 ngành SPTA	29
Bảng 3.1. Tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTĐH	36
Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Sư phạm Ngoại ngữ theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020-2021 (tính đến tháng 04/2021).....	80
Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ trong 5 năm qua	82
Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/SV của ngành Sư phạm Anh giai đoạn 2015 - 2020	87
Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2015-2020.....	91
Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020.....	98
Bảng 6.6.1. Số lượng CB-GV đạt danh hiệu thi đua khen thưởng (từ năm học 2015 - 2016 đến 2019 - 2020)	103
Bảng 6.7.1. Số giờ NCKH qui định cho GV (trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113). 106	
Bảng 6.7.2. Tổng hợp đăng ký NCKH Khoa Sư Phạm Ngoại ngữ từ 2015-2016 đến 2019-2020	107
Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2016 đến 2020)	124
Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh (trong 5 năm học gần nhất).....	125
Bảng 10.2: Một số đề tài trọng điểm cấp trường được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập ngành SPTA năm 2016-2020.....	167
Bảng 11.1. Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT.....	179
Bảng 11.2. Tỷ lệ SV thôi học trong 5 năm gần đây	180
Bảng 11.3. Thời hạn SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây	182
Bảng 11.4.1. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây.....	187
Bảng 11.4.2. Thống kê số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.....	187
Bảng 11.4.3. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây.....	187
Bảng 11.4.4. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.....	188
Bảng 11.4.5. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của sinh viên được nghiệm thu trong 5 năm gần đây	188
Bảng 11.5.1. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây....	191

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong những năm qua, đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đã được các trường Đại học hết sức coi trọng. Đặc biệt, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới (Chương trình GDPT 2018), với nhiều thay đổi so với hiện tại đã đặt ra những yêu cầu bức thiết đối với các cơ sở giáo dục có đào tạo giáo viên.

Là một khoa đào tạo giáo viên của trường Đại học Vinh, trong những năm qua, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ thường xuyên quan tâm đến việc đổi mới và nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh. Với mong muốn rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo của đơn vị, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành SPTA theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành SPTA đã giúp Nhà trường, khoa Sư phạm Ngoại ngữ tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành SPTA, Trường Đại học Vinh đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất

lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, Điểm tồn tại và kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục Điểm tồn tại.

Công tác tự đánh giá CTĐT ngành SPTA đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPTA được thành lập theo Quyết định số 122-QĐ/ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh gồm Ban Giám hiệu, cán bộ giảng viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như SV, cựu SV, giảng viên, nhà tuyển dụng,... là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu (BGH) chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPTA bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học, v.v..) cũng như cách thức tổ chức các thành phần này tham gia vào hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá CTĐT ngành SPTA theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Điểm mạnh*; (3) *Điểm tồn tại*; (4) *Kế hoạch hành động* và (5) *Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí*.

+ **Phần III:** Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những Điểm tồn tại, cần cải tiến chất lượng, Kế hoạch hành động và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT,

các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPTA dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, bao gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CDR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 tự đánh giá về hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá việc tuyển sinh, các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành SPTA trong chu kỳ đánh giá (2016-2020).

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- *H*: viết tắt “*Hộp minh chứng*” (*Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp*)
- *n*: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (*trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên*)
- *ab*: số thứ tự của tiêu chuẩn (*tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10*)
- *cd*: số thứ tự của tiêu chí (*tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10*)
- *ef*: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (*thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...*)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo **Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành SPTA và Khoa Sư phạm ngoại ngữ tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo giáo viên, nghiên cứu và triển khai các hoạt động liên quan đến Tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh đứng đầu khu vực Bắc trung bộ.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm Điểm tồn tại của ngành SPTA, Khoa Sư phạm ngoại ngữ trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của ngành SPTA.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành SPTA theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lí, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. Mô tả hiện trạng hiện trạng hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPTA, các nhóm chuyên trách phụ trách từng tiêu chuẩn, tiêu chí khác nhau, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành SPTA; trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể:

- + Nhóm 1: TS. Nguyễn Thị Kim Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2;
- + Nhóm 2: ThS. Hoàng Tăng Đức làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4;
- + Nhóm 3: TS. Nguyễn Hữu Quyết làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8;
- + Nhóm 4: ThS. Phan Thị Hương làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;
- + Nhóm 5: TS. Nguyễn Duy Bình làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;
- + Nhóm 6: TS. Trần Thị Ngọc Yến làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Khoa Sư phạm ngoại ngữ tổ chức, ngành SPTA đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành SPTA, tiến hành họp cán bộ toàn ngành để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá, góp ý và hoàn thiện dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng...* Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở phân công, giao việc của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá và của nhóm trưởng. Khoa giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Hội đồng Tự đánh giá cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa và Trường.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Việc tự đánh giá CTĐT ngành SPTA được thực hiện theo phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ sinh viên (SV) năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục

và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục

đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thể giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước”.

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các Điểm tồn tại mà báo cáo tự đánh giá

cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Đơn vị thực hiện CTĐT chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh là Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Đồng hành với trường ĐH Vinh từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của khoa Sư phạm Ngoại ngữ trải dài 55 năm lịch sử. Từ năm 1959 khi phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập, tiếng Nga là ngoại ngữ đầu tiên được giảng dạy cho sinh viên. Sau đó các ngoại ngữ Anh, Pháp và Trung Quốc được đưa vào chương trình đào tạo ở các ngành khác nhau. Vào thời kỳ đất nước mở cửa nền kinh tế, nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng gia tăng, bộ môn ngoại ngữ đã phát triển thành khoa đào tạo. Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ giảng dạy bốn thứ tiếng phổ biến: Anh, Pháp, Nga, và Trung Quốc.

Để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sư phạm Vinh đã phát triển thành Trường Đại học đa ngành vào năm 2001 với thế mạnh đào tạo các ngành sư phạm. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 49 cán bộ giảng dạy, gồm: 02 PGS.TS, 08 tiến sĩ, 37 Thạc sĩ, 02 Cử nhân (đang học Thạc sĩ); 01 NCS nước ngoài, 13 giảng viên chính. Đội ngũ GV có trình độ được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa Sư phạm ngoại ngữ có các chức năng chủ yếu sau:

- Đào tạo trình độ Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh
- Đào tạo trình độ Cử nhân Liên kết quốc tế theo mô hình du học bán phần 2+2 với Trường Đại học Mahasarakham (Thái Lan)
- Đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh không chuyên ngữ trong toàn Trường đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra theo quy định.
- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh phổ thông các tỉnh Bắc Trung Bộ thuộc Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020.
- Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên ngoại ngữ, giảng viên, giáo viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ
- Triển khai các hoạt động NCKH thuộc lĩnh vực ngoại ngữ như hội thảo, hội nghị, báo cáo chuyên đề, đề tài, v.v..
- Hỗ trợ, tư vấn các hoạt động, chính sách liên quan đến ngoại ngữ cho các trường Đại học, các trường Phổ thông, các Sở, Ban ngành trong khu vực Bắc Trung Bộ
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngoại ngữ phục vụ cộng đồng
- Hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước trong công tác đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ
- Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh như VinhTESOL; xuất bản giáo trình, tập bài giảng; công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã chủ trì và tham gia thực hiện đề tài các cấp. Bên cạnh đó, giai đoạn 2016-2020, cán bộ khoa đã tham gia hàng trăm lượt tập huấn về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng đề thi, biên soạn chương trình tài liệu trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 và các chương trình khác của do Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức Văn hóa và giáo dục (RELO, TESOL, v.v..) tổ chức.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPTA. Trong giai đoạn 2016-2020, Ngành SPTA đã đào tạo 352 cử nhân Sư phạm tiếng Anh chính quy, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho khu vực Bắc Trung bộ và

cả nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường đa văn hóa; năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật các vấn đề mới nhất liên quan đến CTĐT. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành SPTA được thiết kế dựa trên 4 trụ cột của CDIO, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Khung năng lực giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam (ETCF), Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông nhằm đáp ứng các tiêu

chuẩn của cử nhân SPTA. Sinh viên tốt nghiệp chương trình ngành SPTA có: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Chương được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở tham vấn các bên liên quan về CTĐT.

Các học phần trong chương trình đào tạo ngành SPTA được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa đã có chính sách tạo nguồn cán bộ từ sinh viên của khoa; chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%. Nhiều giảng viên đã không ngừng học tập, nâng cao trình độ, có 10 cán bộ có 02 bằng thạc sĩ.

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Khoa đã thành lập 02 nhóm nghiên cứu về lĩnh vực Ngôn ngữ học và Phương pháp giảng dạy. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành SPTA và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành SPTA có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ.

Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

PHẦN II.

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh là một trong những cơ sở đào tạo giáo viên hàng đầu về Ngành SPTA tại Khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

CTĐT trình độ đại học Ngành SPTA được xây dựng theo tiếp cận năng lực trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Khung năng lực giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam (ETCF), Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. CTĐT đã thể hiện được quy định về CĐR của CTĐT, bao trùm kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.01] với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn để gắn với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường [H1.01.01.02]. CTĐT ngành SPTA được cập nhật và điều chỉnh vào các năm 2013, 2015; trong đó, năm 2017, CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO. Năm 2021, sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, nhà trường tiếp tục hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA hiện nay được xác định: *Chương*

trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: (1) kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (2) phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường đa văn hóa; (3) năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp. [H1.01.01.03].

Sứ mạng của trường Đại học Vinh được xác định *Cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*” và với tầm nhìn là *"Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN"* [H1.01.01.04]. CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, trong đó chú trọng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Sư phạm tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của xã hội. Năm 2020, Nhà trường cho thí điểm CTĐT ngành SPTA đối với lớp tài năng của Khoa với mục tiêu đào tạo sinh viên có năng lực đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm tại các trường Đại học, cao đẳng hoặc các trường THPT chuyên ngoại ngữ.

Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục 2005, Luật Giáo dục 2019 xác định: Đào tạo trình độ đại học giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Từ năm 2017, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT Ngành SPTA theo tiếp cận năng lực, trong đó chú trọng nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp của người học [H1.01.01.05].

**Bảng 1.1: Đối sánh mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý GD
của nhà trường và các văn bản của nhà nước**

Mục tiêu chương trình đào tạo		Đối sánh với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý GD của Nhà trường, các văn bản của Nhà nước		
		Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh	Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN- VPQH)	Mô tả nội dung trình độ Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)
Mục tiêu tổng quát	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); có năng lực sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học môn tiếng Anh và năng lực giao tiếp-hợp tác trong môi trường đa văn hóa; có phẩm chất nhà giáo và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế hoạt động dạy học và giáo dục, đánh giá và phát triển chương trình tiếng	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,... dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc	- Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học: “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào	- Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng lực quốc gia (Bậc 6 - Đại học)

	Anh ở cấp trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.	gia và quốc tế.”	tạo.”	
Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu 1: Vận dụng kiến thức và lập luận ngành trong hoạt động giáo dục và đào tạo Mục tiêu 2: Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong môi trường giáo dục và đào tạo Mục tiêu 3: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường giáo dục đa văn hóa Mục tiêu 4: Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,... dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.”	- Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học: “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”.	- Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng lực quốc gia (Bậc 6 - Đại học)

Sau khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, CDR và đề cương chi tiết các học phần, Khoa đã khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng [H1.01.01.06]. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy

định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Việc tham vấn, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA chưa được tiến hành một cách hệ thống và khoa học. Nhà trường chưa có các số liệu dự báo chính xác về nhu cầu thị trường lao động đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh	Nhà trường	5/2021	Hàng năm
		- Thành lập mạng lưới/ ban tư vấn gồm các chuyên gia, các nhà tuyển dụng lao động liên quan đến CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh	Khoa SPNN	10/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật CTĐT thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Vinh; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo từng giai đoạn.	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT Ngành SPTA xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV Ngành SPTA đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT được xây dựng và ban hành từ năm 2010, được cập nhật và điều chỉnh vào các năm 2013, 2015; trong đó, năm 2017, CĐR của CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO. Sau 4 năm thực hiện CTĐT tiếp cận CDIO, nhà trường tiếp tục hướng dẫn xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT [H2.02.01.01]. CĐR của CTĐT cử nhân sư phạm ngành SPTA đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về đào tạo giáo viên tiếng Anh cấp Trung học phổ thông. Các CĐR của CTĐT ngành SPTA được công bố rộng rãi cho người học, giảng viên và các bên liên quan trên website của Trường và Khoa và tờ rơi quảng bá tuyển sinh về CTĐT [H1.01.02.02]. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí và mức độ năng lực về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo. CĐR cũng chính là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo SPTA.

CĐR của CTĐT ngành SPTA bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03]; phù hợp với chiến lược và tầm nhìn của khoa Sư phạm Ngoại ngữ và trường Đại học Vinh [H1.01.02.04]. CĐR của CTĐT đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai; trong đó chú trọng đến việc hình thành các năng lực chuyên môn gắn với việc giảng dạy tiếng

Anh ở cấp Trung học phổ thông trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT Ngành SPTA trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học và sự phạm trong hoạt động nghề nghiệp, ngoại ngữ thứ hai, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.

Những kiến thức Cơ sở ngành về tiếng Anh tổng quát, tiếng Anh chuyên sâu và chuyên ngành, kiến thức văn học và biên phiên dịch, vv. giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành gắn liền với hoạt động nghề nghiệp. SV còn được trang bị các kiến thức chuyên sâu văn hóa, lịch sử, chính trị, kinh tế-xã hội các quốc gia, lý luận về ngôn ngữ Anh. phương pháp, chiến lược giao tiếp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa. Đặc biệt, các kiến thức liên quan đến các vấn đề lý thuyết và phương pháp trong dạy học tiếng Anh, cụ thể như kỹ thuật giảng dạy kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ trong dạy học tiếng Anh, kiểm tra đánh giá ngôn ngữ giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, SV được trang bị kiến thức về nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh để nâng cao hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; kiến thức về phát triển chương trình tiếng Anh bậc THPT.

CĐR Ngành SPTA xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo dục; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR Ngành SPTA. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau; nhấn mạnh đến tư duy phản biện và thể hiện khả năng tự học và rèn luyện suốt đời. CĐR Ngành SPTA cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, thể hiện sự công bằng và tôn trọng đa dạng của học sinh.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình dạy học cấp THPT đã được nhấn mạnh trong CĐR ngành SPTA; cụ thể, có hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành giáo dục;

hiểu biết bối cảnh nhà trường; xác định nhu cầu và mục tiêu dạy học như định hướng chương trình dạy học, phác thảo quy trình dạy học, các hoạt động giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh; Kỹ năng Thiết kế chương trình bao gồm xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, xây dựng lịch trình dạy học. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kỹ năng thực hiện chương trình như triển khai kế hoạch dạy học; giám sát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động dạy học, xử lý các tình huống sư phạm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp. Kỹ năng phát triển chương trình như phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học và giáo dục; sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học; đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình môn học sau mỗi chu trình thực hiện đều được chú trọng. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

Đồng thời, SV ngành SPTA có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Dựa vào đó, CTĐT xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành SPTA được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR của CTĐT được thiết kế nhằm hướng đến phát triển các năng lực, phẩm chất chung của giáo viên và năng lực đặc thù của giáo viên tiếng Anh cấp THPT; đồng thời phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng CĐR của CTĐT ngành SPTA còn khá nhiều (18 CĐR cấp độ 2, 75 CĐR cấp độ 3). Điều này dẫn đến khó khăn trong thực tế triển khai phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	---------	---------------------

			người thực hiện	Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát CĐR chương trình đào tạo theo hướng cập nhật, tích hợp các CĐR theo nhóm trụ cột CDIO	Khoa SPNN	5/2021	9/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành SPTA phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức. Trên cơ sở dự thảo CĐR của CTĐT được xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với người học khi tốt nghiệp CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh. [H1.01.03.01]. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.02]. Đồng thời, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín

ở Việt Nam như CTĐT Ngành SPTA của Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Huế, Trường ĐH Ngoại ngữ- Đại học Đà Nẵng phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh [H1.01.03.03], nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của Ngành SPTA. CĐR của CTĐT ngành SPTA phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần.

Trong giai đoạn tự đánh giá (2016-2020), CĐR của CTĐT Ngành SPTA đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường [H1.01.03.04]. CĐR của CTĐT được xây dựng năm 2013 và công bố lần đầu năm 2014. Năm 2015, khoa tiến hành rà soát, chỉnh sửa CĐR trên cơ sở: kết quả Hội nghị Khoa Sư phạm Ngoại ngữ vào năm 2015 bàn về phát triển CĐR của các CTĐT Ngành SPTA và ý kiến phản hồi của các cựu SV, nhà tuyển dụng, Sở GD và ĐT... Năm 2017, Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT. CĐR của CTĐT Ngành SPTA được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. Đầu năm 2019, CĐR tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được khi SV tốt nghiệp có đủ năng lực sư phạm, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO [H1.01.03.05].

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi tới các CB GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.06].

Như vậy, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành SPTA được xây dựng một cách khoa học, chú

trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan tham gia và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật và đáp ứng yêu cầu công tác của các cơ sở giáo dục và các nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Kênh thông tin liên quan đến việc công bố CĐR của CTĐT chưa được đa dạng, dễ dàng tiếp cận đối với người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các kênh thông tin để người học dễ dàng tiếp cận với CĐR của CTĐT	Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật của CTĐT ngành SPTA là đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Đồng thời, CĐR của CTĐT ngành SPTA cũng được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau,

đặc biệt được phổ biến cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng học phần cụ thể.

Điểm tồn tại cơ bản là việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường, chưa có sự chủ động của Khoa đào tạo; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT còn chưa nhiều. Hiện nay, Nhà trường và Khoa chưa có thông tin dự báo chính xác nhu cầu đào tạo sinh viên ngành SPTA. Do vậy, Khoa cần chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, tạo nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT Ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành SPTA là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT ngành SPTA cho người học và các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT ngành SPTA được xây dựng phù hợp với các quy định của Nhà nước trên cơ sở biểu mẫu quy định thống nhất của Trường Đại học Vinh. Bản mô tả CTĐT Ngành SPTA cung cấp các thông tin về cơ sở giáo dục; CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc chương trình dạy học (CTDH); ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT được Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01] và các văn bản hướng dẫn của trường Đại học Vinh. [H2.02.01.02]. Từ năm 2016 trở về trước, bản mô tả CTĐT ngành SPTA được xây dựng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trường Đại học Vinh. [H2.02.01.03]. Từ năm học 2017-2018 (áp dụng từ khóa đào tạo thứ 58 Trường Đại học Vinh), nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO; do vậy, bản mô tả [H2.02.01.04] cũng được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn mới bao gồm các nội dung thông tin cụ thể:

- 1) Cơ sở giáo dục: Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh
- 2) Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học
- 3) Thời gian đào tạo: 4 năm
- 4) Mục tiêu: bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể
- 5) CDR của CTĐT: được mô tả theo 4 trụ cột của CDIO bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3)

kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình dạy học tiếng Anh cấp THPT.

- 6) Tiêu chí tuyển sinh: áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.
- 7) Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH): được thể hiện qua chương trình khung gồm 125 tín chỉ, 36 học phần và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.
- 8) Ma trận kỹ năng
- 9) Đề cương các môn học/học phần
- 10) Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Từ năm 2016 đến nay, bản mô tả CTĐT ngành SPTA đã được rà soát, cập nhật 3 lần [H2.02.01.05], trung bình ít nhất 2 năm/lần. Dựa trên các văn bản pháp lý như Luật số 34/2018/QH 14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) được ban hành vào ngày 30/12/2019; Thông tư 20/ 2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, bản mô tả CTĐT ngành SPTA đã cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến các nội dung đào tạo cử nhân sư phạm nói chung và cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh nói riêng. Những thông tin trong bản mô tả CTĐT cập nhật bao gồm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước. Điểm mới của bản mô tả năm 2017 là ma trận CDR phân nhiệm cho các học phần được mô tả chi tiết về sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR.

Bảng 2.1: So sánh Bản mô tả CTĐT ngành SPTA giai đoạn 2016-2020

Đặc điểm	Khóa 57 (2016 - 2020)	Khóa 58 (2017 - 2021)	Khóa 61 (2021 - 2024)
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
Mục tiêu và CDR đào tạo	Chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo 4 trụ cột của CDIO	Theo 4 trụ cột của CDIO
Tiêu chí tuyển sinh	Tổ hợp D01	Tổ hợp D01	Tổ hợp D01, D14, D15, D66
Số tín chỉ	132 tín chỉ	125 tín chỉ	126 tín chỉ
Số học phần	48 học phần	36 học phần	36 học phần

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT Ngành SPTA có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo và cung cấp thông tin cho các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên về nội dung và hình thức, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, các nhà tuyển dụng vẫn chưa thực chất và kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập mạng lưới các cựu sinh viên ngành SPTA hiện nay là giáo viên, nhà quản lý ở các trường phổ thông để thường xuyên góp ý và phản hồi về bản mô tả CTĐT của đơn vị	Khoa SPNN	8/2021	12/2021
2.	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật bản mô tả CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPTA cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu. Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên Chương trình khung đào tạo hệ đại học [H2.02.02.01] và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Khi xây dựng đề cương học phần, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần. [H2.02.02.02]. [H2.02.02.03]. Cụ thể:

- (1) Thông tin tổng quát như thông tin về giảng viên, về học phần
- (2) Mô tả học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học ...),
- (3) Mục tiêu học phần:
- (4) Chuẩn đầu ra học phần
- (5) Đánh giá học phần
- (6) Nội dung và kế hoạch dạy - học
- (7) Nguồn học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.
- (8) Quy định học phần
- (9) Phụ trách học phần

Các thông tin trong Đề cương học phần giúp GV và SV nắm vững nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy học, đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương học phần, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch. Đề cương học phần có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng hơn trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của học phần, đồng thời giúp các bên liên quan có thông tin đầy đủ về học phần để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPTA được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. [H2.02.02.04]. Các nội dung trong đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam [H2.02.02.05]. Năm 2016, Nhà trường chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT. Đề cương các học phần cũng được thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới và ban hành năm 2017 [H2.02.02.03]. Trong đó, các nội dung liên quan đến mô tả học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, quy định kiểm tra đánh giá, nội dung và kế hoạch dạy học cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp. Hoạt động dạy - học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của học phần; trong đó chú trọng đến phần tự học, nội dung và thời gian chuẩn bị của sinh viên trước khi lên lớp. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định đánh giá cho CTĐT tiếp cận CDIO nhằm phát triển năng lực của người học, bao gồm đánh giá quá trình (thái độ, chuyên cần, hồ sơ môn học, đánh giá giữa kỳ), đánh giá cuối kỳ (tự luận, trắc nghiệm, thực hành, kết hợp tự luận và thực hành, đồ án môn học). Năm 2021, sau 01 chu trình triển khai các CTĐT theo tiếp cận CDIO, các giảng viên đã tiến hành đối chiếu, rà soát lại các nội dung trong Đề cương học phần nhằm tương thích với sự phân nhiệm của CĐR đối với học phần, góp phần đáp ứng CĐR của CTĐT. Một số học phần được điều chỉnh số tín chỉ, phân nhiệm CĐR cho phù hợp hơn với CTĐT sau rà soát, điều chỉnh (áp dụng từ khóa đào tạo thứ 61). Có thể thấy rõ sự điều chỉnh, cập nhật đề cương các học phần trong CTĐT ngành SPTA qua bảng sau đây:

Bảng 2.2: So sánh đề cương học phần của khóa 57, 58 và 61 ngành SPTA

Đặc điểm	Khóa 57 (2016 - 2020)	Khóa 58 (2017 - 2021)	Khóa 61 (2021 - 2024)
1. Cấu trúc	15 mục	9 mục	9 mục
2. Mục tiêu học phần	Tuyên bố chung về kiến thức, kỹ năng và thái độ	Gắn với khả năng đáp ứng CĐR CTĐT, thang đo năng lực	Gắn với kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được; thể hiện được sự học tập chủ động

Đặc điểm	Khóa 57 (2016 - 2020)	Khóa 58 (2017 - 2021)	Khóa 61 (2021 - 2024)
			của sinh viên
3. CDR học phần	Không có	Phát biểu CDR, tương quan mức độ dạy học ITU, thang đo năng lực	Thể hiện sự đóng góp của môn học để đạt được CDR CTĐT;
4. Đánh giá học phần	Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-GV tự tổ chức), cuối kỳ (70%)	Chuyên cần (10%), giữa kỳ (20%-test online), hồ sơ học phần (20%), cuối kỳ (50%)	Đánh giá thường xuyên (30%), đánh giá giữa kỳ (20%) và cuối kỳ (50%); Bộ tiêu chí đánh giá (Rubric) cho từng bài đánh giá.
5. Kế hoạch giảng dạy	Nội dung buổi học, số tiết lý thuyết/ thực hành	Nội dung buổi học, hoạt động dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CDR	Nội dung buổi học, phương pháp dạy học, bài đánh giá, đáp ứng CDR
6. Hướng dẫn tự học	Không	Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học	Nhiệm vụ của sinh viên; chuẩn bị của sinh viên; nội dung tự học

2. Điểm mạnh

- Tất cả đề cương chi tiết của học phần đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ và tường minh các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận liên quan đến đào tạo, cũng như các bên liên quan giám sát.

- Đề cương học phần liên tục được thường xuyên cập nhật, bổ sung về nội dung và thay đổi về hình thức phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong Đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Bộ môn định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong Đề cương học phần để làm cơ sở cho các điều chỉnh	Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật Đề cương học phần thường xuyên để phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành SPTA sau khi được Trường Đại học Vinh phê duyệt và ban hành được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa/Viện, công bố trên trang đăng ký học của SV, giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV [H2.02.03.01]. Hàng năm, khi tiếp đón tân SV, Khoa tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả [H2.02.03.02].

100% đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp cho người học theo đúng quy định. Các thông tin liên quan đến Đề cương học phần đã được tích hợp và quản lý trên hệ thống quản lý học tập (LMS), nhằm chuyển tải đến người học một cách thuận tiện và chính xác nhất [H2.02.03.03]. Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được. CTĐT Ngành SPTA tiếp cận CDIO dành một học phần Nhập môn ngành sư phạm với thời lượng 02 tín chỉ để giúp SV nắm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT sư phạm, cấu trúc, logic và yêu cầu cần đạt của CTĐT [H2.02.03.04].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giáo viên, người học đã tốt nghiệp, vv đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT thông qua website của Nhà trường và đơn vị. Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Trường các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn Bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các đơn vị sử dụng lao động (các trường Phổ thông) còn chưa hiệu quả. Một số nội dung đổi mới trong CTĐT chưa được cập nhật và lan tỏa đến các trường phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan đến tiếng Anh ở các trường Phổ thông nhằm truyền thông về CTĐT ngành SPTA như các cuộc thi tiếng Anh, câu lạc bộ tiếng Anh. Mô hình tiếng Anh cộng đồng, v.v..	Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm
		- Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên là các giáo viên tiếng Anh ở trường Phổ thông để quảng bá và lan tỏa CTĐT	Khoa SPNN	5/ 2021	
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

		đến CTĐT			
--	--	----------	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật là Bản mô tả CTĐT ngành SPTA được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực đào tạo giáo viên tiếng Anh. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, Phương pháp KTĐG,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai cho các đối tượng liên quan dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, việc ban hành và cung cấp thông tin về bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên liên quan vẫn còn hạn chế; Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT Ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành SPTA được thiết kế theo hướng tiên tiến, hiện đại (theo tiếp cận CDIO), tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành SPTA trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Phương pháp dạy-học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT.

Chủ đề và nội dung của CTDH được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của người học theo trình tự: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành. Đồng thời, CTDH của ngành SPTA liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) ngành SPTA được Khoa Sư phạm Ngoại ngữ xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng CTDH là Khung Trình độ quốc gia Việt Nam, Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Khung năng lực giáo viên tiếng Anh (CETF), tham khảo chương trình của các trường đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Trường ĐHNH, ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHNH, ĐH Huế; Trường ĐHSP Hà Nội); tiếp nhận phản hồi của các trường phổ thông, đơn vị trực tiếp sử dụng người học do khoa đào tạo... [H3.03.01.01]. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn xây dựng CTDH của Nhà trường [H3.03.01.02], các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành

SPTA, CTDH cung cấp cho người học nhiều thông tin về CTĐT [H3.03.01.03]. CTDH đã được cụ thể hóa trong bản mô tả chương trình đào tạo với các thông tin chi tiết về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo. [H3.03.01.04].

Cụ thể, CTDH ngành SPTA được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ của CĐR, dựa trên bảng phân nhiệm mức độ giảng dạy (ITU) và bảng phân nhiệm trình độ năng lực (Ma trận ITU và TĐNL giữa học phần và CĐR). Khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành (bao gồm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập sư phạm) được phân bổ thành các học phần theo từng học kì (thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì), có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Trong ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Đối với từng học phần, sau khi hoàn thành CTDH, giáo viên trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH với CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh.

Bảng 3.1. Tỷ lệ phân trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTDH

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Khối kiến thức đại cương	35	00	35	28,0
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	53	03	56	44.8
3	Khối kiến thức chuyên ngành	25	03	28	22.4
4	Rèn luyện NVSP: Thực tập sư phạm	6	00	6	4.8
Tổng		119	6	125	100

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của đa số các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành SPTA đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR

của chương trình, bao gồm các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể và ma trận kỹ năng của chương trình. Phương pháp dạy học các học phần trong CTDH không tập trung vào một phương pháp dạy học duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, seminar, thực hành và thảo luận. Kiểm tra/đánh giá cũng đã cải tiến đáng kể qua việc tăng trọng số đánh giá quá trình học tập của sinh viên với nhiều hình thức đánh giá linh động như trắc nghiệm, thuyết trình, báo cáo, thực hành,... Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR [H3.03.01.04].

Định kỳ hàng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT, nội dung, phương pháp dạy học các học phần nhằm góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Nhà trường đã tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường các năm 2017, 2018 và 2019 nhằm mục đích đổi mới về nội dung, PP dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH [H3.03.01.05].

2. Điểm mạnh

Khoa đã triển khai xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm một cách khoa học và hệ thống theo tiếp cận CDIO; đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH được điều chỉnh, cập nhật, góp phần đạt được CĐR đã công bố.

3. Điểm tồn tại

CTDH một số học phần chưa thể hiện được sự tương thích giữa trình độ năng lực và mức độ giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành SPTA, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CDR thông qua Ma trận trình độ năng lực và Ma trận mức độ giảng dạy (ITU), đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.	Khoa SPNN Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tối ưu hóa các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập nhằm hướng đến sự phát triển năng lực cho người học, đáp ứng CDR của CTĐT	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH ngành SPTA có sự tương thích về nội dung và thể

hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Với tổng số 125 tín chỉ tích lũy của CTĐT, các học phần được phân nhiệm góp phần vào các chủ đề của CDR: (1) Về kiến thức và lập luận ngành, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị (*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh,...*), kiến thức tâm lý học và sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp (*Nhập môn ngành Sư phạm, Tâm lý học, Giáo dục học,...*). Bên cạnh đó các học phần như *Tiếng Anh tổng hợp 1, 2, 3; Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng, v.v..* giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành gắn liền với hoạt động nghề nghiệp. (2) Về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục (*Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh, Ngôn ngữ học đối chiếu, v.v..*). Bên cạnh đó, các học phần giúp sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng (*Lý luận & PPGD tiếng Anh, Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh, vv*). (3). Về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, các học phần *Nghe-Nói, Đọc-Viết, Tiếng Anh tổng hợp, Giao tiếp giao văn hóa, vv* giúp sinh viên triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ. (4) Về năng lực hình thành ý tưởng thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình dạy học cấp THPT, các học phần *Nhập môn ngành Sư phạm, Lý luận & PPGD tiếng Anh, Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh, Thiết kế chương trình và phát triển học liệu, Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ,...* yêu cầu sinh viên có hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành giáo dục; xác định nhu cầu và mục tiêu dạy học, phác thảo quy trình dạy học, các hoạt động giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh; Kỹ năng Thiết kế chương trình bao gồm xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, xây dựng lịch trình dạy học. Các học phần *Thực tập sư phạm và Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm* giúp sinh viên triển khai kế hoạch dạy học; giám sát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động dạy học, xử lý các tình huống sư phạm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học và giáo dục. Mỗi học phần được xây dựng căn

cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình. Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học - CĐR và ma trận ITU. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT. [H3.03.02.01].

Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. [H3.03.02.02]. Các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các khung năng lực cần đạt (ma trận môn học - trình độ năng lực và ma trận môn học - mức độ giảng dạy ITU), trong đó, các học phần đại cương làm cơ sở, hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành; các học phần tiên quyết được phân nhiệm giới thiệu cho các học phần kế tiếp. Để đánh giá người học đạt được CĐR của mỗi học phần, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, dự án học tập, kiểm tra thường kỳ...) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học [H3.03.02.03]. Ví dụ đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương (*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục học, Tâm lý học..*), mức độ giảng dạy chỉ dừng lại ở I (*Introduce*) và T (*Teach*), do vậy phương pháp giảng dạy tập trung vào thuyết trình, thảo luận và làm việc nhóm. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập những học phần này cũng chủ yếu tập trung vào đánh giá các năng lực tư duy bậc thấp (Theo Thang Năng lực nhận thức của Bloom) như Biết, Hiểu, Vận dụng. Do vậy, các công cụ dùng để đánh giá được lựa chọn là trắc nghiệm khách quan (Test), câu hỏi thảo luận, v.v... Tuy nhiên, đối với những học phần chuyên ngành như *Thiết kế chương trình và phát triển học liệu*, mức độ giảng dạy được phân nhiệm là T (*Teach*) và U (*Utilize*). Do đó, trong CTDH của học phần, giáo viên thiết kế các phương pháp dạy học tích cực để phát huy tính chủ động, sáng tạo, cá nhân hóa người học thông qua *Phương pháp động não*

(*Brainstorming*), *Dạy học theo dự án (Project-based learning)*, *Học tập trải nghiệm*, v.v. Đồng thời, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học cũng được lựa chọn tương thích với phương pháp dạy-học của học phần như *Hồ sơ học tập*, *Thuyết trình*, *Dự án học tập*, v.v.. nhằm đánh giá được các năng lực tư duy bậc cao của người học như *Vận dụng*, *Phân tích*, *Đánh giá*, *Sáng tạo*.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì [H3.03.02.04]. Các học phần thuộc khối Kiến thức Đại cương, Kiến thức Cơ sở ngành, Kiến thức Chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Sau khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh cũng như có lòng yêu nghề, kỹ năng giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh,... Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đặc biệt từ phía nhà tuyển dụng lao động, cựu người học) cho nội dung các học phần trong CTDH. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của người học về giảng viên và học phần. Trên cơ sở kết quả phản hồi, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/ đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất. [H3.03.02.04].

2. Điểm mạnh

Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng thông qua bảng phân nhiệm ma trận năng lực và ma trận ITU. Các học phần trong CTDH ngành SPTA có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Việc kết hợp các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đối với từng học phần được thiết kế phù hợp trong tổng thể CTDH và hỗ trợ lẫn nhau.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với các học phần đã được

tiến hành và góp phần điều chỉnh phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

CTDH vẫn còn có sự chông chéo và chưa hợp lý khi phân nhiệm CĐR của CTĐT cho một số học phần. Một số học phần được phân nhiệm quá nhiều CĐR; hay một số CĐR có ít học phần đảm nhiệm.

Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với học phần chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên thực hiện một cách chủ động và thực chất. Hiện nay, việc phản hồi của người học đối với học phần đang được thực hiện đồng bộ trong toàn trường. Do đó, thông tin thu thập được chưa phản ánh sát với chuyên môn, phù hợp với đặc thù của CTĐT ngành SPTA.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chông chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR - Khoa/ bộ môn/ Giảng viên chủ động lập kế hoạch lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học đối với CTDH của học phần	Nhà trường/ Khoa SPNN	10/2021	Hàng năm
			Khoa SPNN	10/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm	-Tối ưu hóa các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

	manh	kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong CTDH các học phần nhằm hướng đến sự phát triển năng lực cho người học, đáp ứng CĐR của CTĐT			
--	------	---	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.02]. Căn cứ theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/04/2017 trường Đại học Vinh đã ban hành [H3.03.03.01], CTDH ngành SPTA được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng, nội dung, CĐR của CTĐT tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ. Cấu trúc CTDH thể hiện được các học phần khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Theo cách thức tiếp cận này, tổng số tín chỉ của CTĐT ngành SPTA là 125 tín chỉ, trong đó có 06 tín chỉ tự chọn, tỷ lệ khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành chiếm 72.8%, kiến thức chuyên ngành chiếm 27.2% khối lượng chương trình. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. CTDH ngành SPTA được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 4 năm, 8 học kỳ.

Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết;

thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện). Các học phần kiến thức đại cương được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTDH quy định rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Đặc biệt, ngành SPTA đã thiết kế được một quy trình rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm và Thực tập sư phạm mang tính đặc thù riêng của ngành đào tạo. [H3.03.03.04]. Đối với một số học phần chuyên ngành, sinh viên được yêu cầu tham gia trực tiếp tại các lớp học của Trường THPT Chuyên Đại học Vinh, Trường THSP Đại học Vinh. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành SPTA. [H3.03.03.05].

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. Sau mỗi học kỳ, trên cơ sở ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan khác, [H3.03.03.06], giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát CTDH của học phần để điều chỉnh, bổ sung và cập nhật, ví dụ cân nhắc bổ sung/ giảm bớt CDR phân nhiệm cho học phần để tăng tính hợp lý; thay đổi trình tự phân bố các học phần theo học kỳ để tăng mức độ gắn kết và liên mạch. Một số giảng viên trong khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. [H3.03.03.02]; Đồng thời, để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng đào tạo giáo viên Tiếng Anh, Khoa luôn chú ý tổ chức các buổi seminar khoa học cung cấp thêm cho người học những thông tin về sự thay đổi của ngành SPTA. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành SPTA, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. [H3.03.03.07].

CTDH được xây dựng theo CDR theo tiếp cận CDIO, có tham khảo CTĐT của các trường có kinh nghiệm đào tạo giáo viên tiếng Anh trong nước và trên thế giới như

trường ĐHNN trong cả nước (như Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHNN-ĐH Huế, v.v..) và một số trường trên thế giới (như trường ĐH Hồng Kong v.v.. [H3.03.03.08]. CTDH được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm với 8 học kỳ, khối lượng là 125 tín chỉ, trung bình 15,6 tín chỉ/1 học kỳ. Tuy nhiên, với quy định sinh viên được lựa chọn xây dựng thời khóa biểu cá nhân tối thiểu 15 tín chỉ/1 học kỳ và tối đa 30 tín chỉ/1 học kỳ đã phát huy tính linh hoạt của chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, giúp sinh viên chủ động trong xây dựng chương trình học của mình và có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong 6 học kỳ. Ngoài ra, chương trình có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo. Mỗi học kỳ sinh viên có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành ví dụ kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm được bố trí trong nhiều khối kiến thức và trong một số học phần như *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1, 2, 3, Nghe - Nói, Đọc - Viết, Giao tiếp giao văn hóa*, v.v... Nói cách khác, nhiều học phần được thiết kế nhằm đóng góp cho 01 CDR của CTĐT. Ngoài ra, trong CTDH ngành SPTA, các giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học liên quan đến các học phần Năng lực ngôn ngữ như *Tiếng Anh tổng hợp, Nghe - Nói, Đọc - Viết, Tiếng Anh nâng cao...* do các nhà xuất bản có uy tín Như NXB Cengage (National Geographic), Macmillian, Oxford, vv. cung cấp. Nội dung chủ đề trong CTDH các học phần được cập nhật, có tính linh hoạt và tích hợp cao. Bên cạnh các sách in có bản quyền, sinh viên còn được cung cấp tài khoản học tập (self-study) trong thời hạn 1-2 năm để tăng thời gian tự học của người học. Giảng viên được cung cấp các phần mềm hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá học phần theo hướng tích hợp và hiện đại.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành SPTA có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, phù hợp với quy định của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

CTDH ngành SPTA được xây dựng theo tiếp cận CDIO và có tham khảo các CTĐT ngành SPTA của một số trường Đại học trong nước và quốc tế và được định kỳ

rà soát ít nhất 02 năm/ lần. Trong đó, thời lượng dành cho các hoạt động liên quan đến trải nghiệm, thực hành kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng CDR của CTĐT đã được tăng thêm và tích hợp trong CTDH của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với học phần nhằm tạo cơ sở cho hoạt động rà soát định kỳ CTDH chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên thực hiện một cách chủ động và thực chất. Hiện nay, việc khảo sát ý kiến của người học đang được thực hiện đồng bộ trong toàn trường. Tuy nhiên, thông tin thu thập được chưa phản ánh sát với chuyên môn, phù hợp với đặc thù của CTDH ngành SPTA.

Thời lượng dành cho các hoạt động trải nghiệm, thực hành kỹ năng nghề nghiệp đã có tăng nhưng chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa/ bộ môn/ Giảng viên chủ động lập kế hoạch lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học đối với CTDH của học phần - Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT để có điều chỉnh, bổ sung theo hướng tăng thời lượng các hoạt động trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp	Khoa SPNN	10/2021	Hàng năm
			Trường ĐHV/ Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật CTDH theo hướng tích hợp và linh hoạt	Khoa SPNN		Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh của CTDH ngành SPTA là tính logic, cập nhật, tích hợp và đáp ứng CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp, bổ trợ cho nhau nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ đại cương đến chuyên ngành và thuận tiện cho việc lựa chọn đăng ký học. Đồng thời, CTDH được thường xuyên cập nhật và rà soát, nhằm phát triển năng lực gắn với nghề nghiệp cho SV ngành SPTA.

Điểm tồn tại của CTDH ngành SPTA xuất phát từ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học chưa được Khoa/ Bộ môn/ Giảng viên chủ động tiến hành đồng bộ và sát với chuyên môn, mà còn phụ thuộc vào kế hoạch chung của nhà trường.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng CĐR đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Tương tự như các chương trình khác, CTDH ngành SPTA được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại, bám sát mục tiêu đào tạo CĐR của chương trình, đáp ứng yêu cầu xã hội. Kể từ năm học 2017-2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành SPTA tiếp tục phát huy các phương pháp tiếp cận tích cực trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực người học, nhấn mạnh các CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được ghi rõ trong Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh, đó là: *Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Vinh hiện nay là nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia và là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.* Những mục tiêu này được trình bày lại trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 với mục tiêu tổng quát là: *Tạo dựng môi trường học thật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công và mục tiêu cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.* Và được cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, trong Nghị quyết của Hội đồng trường, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ trường các nhiệm kỳ [H4.04.01.01].

Trường Đại học Vinh có văn bản tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục của trường được thể hiện trong Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30

tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Với Triết lý giáo dục là “**Hợp tác - sáng tạo**” với nội dung cụ thể: “*Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác. Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm*”. Trong đó **Sứ mạng** được Nhà trường xác định: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”. **Tầm nhìn** của trường Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN” với mục tiêu tổng quát là “Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”. **Giá trị cốt lõi** là: “Trung thực, Trách nhiệm, Say mê, Sáng tạo và Hợp tác”. [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc vận dụng vào trong việc thiết kế chương trình dạy học. Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của từng Khoa, Viện và được thể hiện trong CĐR của CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ và Quyết định ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại trường Đại

học Vinh. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thành lập Ban xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CIDO cấp khoa [H4.04.01.03], đồng thời đã xây dựng mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Mục tiêu của CTĐT Ngành SPTA hiện nay được xác định: *Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: (1) kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (2) phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường đa văn hóa; (3) năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp.* Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu của CTĐT, phù hợp với mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Cụ thể, CDR của CTĐT ngành SPTA xác định người học có khả năng (1) Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức về khoa học giáo dục, kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh và phương pháp giảng dạy tiếng Anh vào các lĩnh vực dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học; (2) Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học; (3) Vận dụng kỹ năng giao tiếp và hợp tác vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp; (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/ phát triển/ cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường đã được công bố cho giảng viên và người học biết và thực hiện. [H4.04.01.04]. Cụ thể, đối với giảng viên, mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường đã được thể hiện trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CDR của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CIDO, xây dựng CTDH, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.05]. Đối với SV, ngay từ khi nhập trường, mục tiêu đào tạo và triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu khóa, đồng thời giúp SV hiểu rõ hơn về CTĐT ngành

SPTA. Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội SV cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của họ trong quá trình học tập [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Văn bản tuyên bố chính thức về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường được đăng tải trên Trang thông tin điện tử <http://vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/truong-dai-hoc-vinh-tu-gioi-thieu-95550> của trường để các bên liên quan có thể tiếp cận. Đồng thời, để có thông tin phản hồi từ các bên liên quan, Trường Đại học Vinh đã ban hành các Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh [H4.04.01.07]; Triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học (các hệ chính quy, vừa làm vừa học, giáo dục từ xa, học viên cao học) với sinh viên đang học tập tại trường và cả sinh viên đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường, các đơn vị hành chính. Ngoài sự đóng góp ý kiến của người học về chương trình đào tạo và giảng viên, Nhà trường cũng đã khảo sát ý kiến các đơn vị liên kết về công tác đào tạo hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa; Triển khai thực hiện lấy ý kiến người học và đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công. Bên cạnh những khảo sát của trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng,... về CTĐT và CĐR CTĐT ngành SPTA, CTDH ngành SPTA để đánh giá mục tiêu đào tạo [H4.04.01.08]. Để đánh giá kết quả đào tạo, kết quả thực hiện các mục tiêu giáo dục đề ra và nhằm thu thập thông tin khách quan từ các nhà tuyển dụng về sản phẩm đào tạo của Trường Đại học Vinh, giúp Nhà trường và Khoa có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, trường Đại học Vinh đã thành lập Ban liên lạc cựu HSSV và khảo sát việc làm của sinh viên, đưa ra kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp, triển khai lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp các năm [H4.04.01.09]. Từ các kết quả thu thập được, Trường và Khoa phân tích, tổng hợp báo cáo kết quả nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu đào tạo, CĐR CTĐT và CTDH ngành SPTA phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý của trường Đại học Vinh. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 Về

việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục Trường Đại học Vinh. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường, CTĐT ngành SPTA mới chỉ thực hiện tại một số Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc khu vực Bắc Trung Bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa Sư phạm Ngoại ngữ lập kế hoạch, đa dạng hóa kênh truyền thông và hình thức quảng bá như mạng xã hội, bộ nhận diện thương hiệu, v.v.. để phổ biến và thu thập ý kiến về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của nhà trường, CTĐT ngành SPTA trên cả nước.	- Phòng Đào tạo - Ban truyền thông - Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	5/2021	Hàng năm Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hoạt động và gắn kết của Ban liên lạc cựu HSSV Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nhằm phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan để hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh, của khoa SPNN và ngành SPTA	Khoa SPNN	05/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy học được Khoa, Bộ môn và giảng viên thiết kế để đạt được CDR trên cơ sở các quy định về CTĐT và CDR tương ứng với ngành. Ngày 30/08/2016, Trường Đại học Vinh ban hành Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Ngày 27/4/2017 ban hành Quyết định số 747/QĐ-ĐHV về CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ; Ngày 04/09/2019, ban hành Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.04.02.01]. Đồng thời, nhà trường có kế hoạch đánh giá và chỉnh sửa, bổ sung các hoạt động dạy và học để phù hợp với CDR: Bản mô tả CTĐT; Bổ sung học liệu phục vụ CTĐT tiếp cận CDIO; tổ chức hội nghị về xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO [H4.04.02.02]. Trên cơ sở các hướng dẫn của Nhà trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, các bộ môn và giảng viên tiến hành các cuộc họp, seminar cấp khoa và bộ môn bàn về việc thiết kế các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp để đạt được CDR, trong đó chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. [H4.04.02.03]. Hoạt động trao đổi sáng kiến kinh nghiệm diễn ra thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV. Cán bộ và GV của Khoa tham gia hiệu quả các hội thảo, tập huấn, seminar từ cấp bộ môn trở lên nhằm xây dựng phương pháp dạy học hiệu quả. Ngoài ra, hàng năm, GV của khoa đăng ký dự giờ thao giảng, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy.

CTĐT ngành SPTA được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực

nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành, do vậy, phương pháp dạy - học chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn từ thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp.[H4.04.02.04]. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Đối với các học phần được phân nhiệm mức trình độ năng lực bậc thấp (biết, hiểu, vận dụng) và mức độ giảng dạy *I (Introduce)*, *T (Teach)*, (như học phần *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh,...*), phương pháp dạy-học được ưu tiên áp dụng là thuyết trình, thảo luận nhóm. Tuy nhiên, đối với những học phần được phân nhiệm ở mức trình độ năng lực cao hơn (như áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo) và mức độ giảng dạy là *T (Teach)*, *U (Utilize)* (như học phần *Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, Thiết kế chương trình,...*) thì các phương pháp dạy học tích cực được sử dụng nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của người học như Phương pháp dạy học theo Dự án/ Đồ án, Phương pháp động não (Brainstorming), Phương pháp dạy học đảo ngược (Flipped Classroom), vv. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, người học còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập LMS, các tài khoản học tập của Nhà xuất bản Cengage (National Geographic), Macmillan, vv. Trong tình hình dịch bệnh, dựa trên công văn, kế hoạch của nhà trường về việc tổ chức giảng dạy học tập trực tuyến trong thời gian giãn cách do Covid 19, các bộ môn và giảng viên cũng đã điều chỉnh phương pháp dạy - học nhằm phù hợp với hoàn cảnh. [H4.04.02.06].

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 6 tín chỉ. SV được cử đến các cơ sở rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục. Khoa và Trường đã xây dựng một hệ thống trường thực hành để sử dụng làm môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Việc thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV ngành SPTA tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả

về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được giảng viên phụ trách thực tập thực tế và giáo viên tiếng Anh ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn.

Nhằm hỗ trợ người học tiếp cận và khai thác các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR, Nhà trường tổ chức các chương trình tư vấn đầu khóa cho sinh viên, các chương trình tuyển dụng, chia sẻ kinh nghiệm, các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học, tổ chức các Hội thi Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm hàng năm cho sinh viên. Song song với các hoạt động của Nhà trường, Bộ môn PPGD, Cố vấn học tập và giảng viên hướng dẫn người học sử dụng phương pháp nghiên cứu và học tập ở bậc đại học hiệu quả. Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. [H4.04.02.07]. Hàng năm, Khoa đều tổ chức Tháng Rèn luyện NVSP và Hội thi NVSP dành cho các SV ngành SPTA nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai. [H4.04.02.08]. Giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tích cực tham gia chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp trường, cấp khoa nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động NCKH. SV luôn được khuyến khích tham gia NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV. [H4.04.02.8]. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hoạt động học tập đa dạng, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ English Speaking Zone, Writing center, English Language Assistance Club (ELAC), tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, và các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập. [H4.04.02.09].

Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động dạy học được sử dụng trong từng học phần của CTĐT. Các nội dung liên quan đến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, năng lực chuyên môn, của GV đều được SV đánh giá và phản hồi. Đồng thời, hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát sự hài lòng của người học và phụ huynh đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, khảo sát cựu sinh viên về chương trình đào tạo. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường có kết quả tổng hợp và báo cáo kết quả đến

các khoa./bộ môn và giảng viên. Đối với ngành SPTA, đa số người học đánh giá cao phương pháp dạy học của giảng viên cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CDR mong đợi. [H4.04.02.10].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt, thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với từng thời điểm, hoàn cảnh nhằm giúp người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Phương pháp dạy học giúp người học phát huy được sự chủ động, sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận người học vẫn chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học và tự nghiên cứu.

Các hoạt động đến việc rèn luyện và thực hành kỹ năng nghề nghiệp tập trung vào các học phần chuyên ngành và thường được bố trí vào các học kỳ cuối trong CTĐT. Do đó, cơ hội để người học trải nghiệm và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp bị hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	-Ứng dụng CNTT để tăng cường giám sát và thúc đẩy việc tự học và tự nghiên cứu của người học -Rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm tăng cường tích hợp các hoạt động liên quan đến việc rèn luyện và thực hành kỹ năng nghề nghiệp vào một số học phần trải đều các học kỳ trong CTĐT.	-Trung tâm CNTT -Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm
				5/2021	Hàng năm
2.	Phát huy	Tăng cường áp dụng các mô	Khoa	05/2021	Hàng

	điểm mạnh	hình và phương pháp dạy học tích cực để sinh viên phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chủ và tự chịu trách nhiệm, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPTA	SPNN		năm
--	--------------	---	------	--	-----

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành SPTA mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trên cơ sở đó, CĐR của CTĐT ngành SPTA đã xác định: *Sinh viên có khả năng vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học; vận dụng kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học*; Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành SPTA [H4.04.03.01] thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học để rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Ví dụ, để góp phần hình thành nên *kỹ năng dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, DCCT các học phần như *Tâm lý học, Giáo dục học, Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh* đều nhấn mạnh việc sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như Phương pháp động não, Phương pháp dạy học theo dự án, Mô hình lớp học đảo ngược, tăng cường thực hành, thực tế tại trường phổ thông, vv nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học,

phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất nhằm đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H4.04.03.02]. Ví dụ, một CDR của học phần *Đọc-Viết tiếng Anh 1* xác định: sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ năng học tập cần thiết (study skills): *Tự nhận thức-tự đánh giá (self-awareness and self-evaluation)*, *thực hành viết bản thảo đầu tiên (writing a first draft)*, *rèn luyện trí nhớ qua liên hệ và ghi nhớ (improving memory-association and mnemonics)*, *rèn luyện việc đọc một cách thông minh (smart reading)*, *thiết lập các ưu tiên, vận dụng các phản hồi từ người dạy, tránh việc từ bỏ nỗ lực cá nhân (avoid self-sabotage)*, *viết tranh luận, nhận diện được các yếu tố giúp đạt điểm cao, vượt qua được bế tắc trong quá trình viết (overcome writer's block)* để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung của học phần. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Mỗi đề cương chi tiết (ĐCCT) đều có mô tả rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CDR. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubrics tương ứng.

100% Đề cương chi tiết các học phần nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Thông tin liên quan đến học phần bao gồm số tín chỉ, loại học phần, quy định rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Do vậy, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng cũng được GV nhấn mạnh nhằm thúc đẩy hoạt động tự học của SV. Ví dụ, CDR của học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3* miêu tả: *Sinh viên thể hiện khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực để đạt được các mục tiêu học tập*. Nhiệm vụ học tập mà GV giao cho các SV bao gồm *Hoàn thành các bài tập trực tuyến trên trang <https://myelt.heinle.com> do giảng viên yêu cầu; SV phải đăng nhập vào hệ thống, làm các bài tập trên trang học tập trực tuyến. Hệ thống sẽ ghi nhận khối lượng học tập của SV và kết quả đạt được.* Trong DCCT học phần, giáo viên quy định nội dung học tập và làm bài tập trên hệ

thống học tập trực tuyến <https://myelt.heinle.com> chiếm 5% kết quả đánh giá học phần. Như vậy, sinh viên phải dành thời gian để tự học, tự nghiên cứu, từ đó hình thành và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho mình. Tương tự học phần Nghe-Nói tiếng Anh 1, SV được giao nhiệm vụ hoàn thành Hoàn thành các bài tập trực tuyến trên trang web <https://www.macmillanskillful.com/> và phần kiểm tra đánh giá trong DCCT học phần quy định nội dung học tập trên hệ thống trực tuyến chiếm 5% kết quả đánh giá học phần.

Đồng thời, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. SV được khuyến khích tham gia vào các hoạt động thảo luận, trao đổi, thuyết trình về một nội dung chủ đề trong học phần. Sinh viên phải hình thành được khả năng tự nghiên cứu, tự học để hoàn thành nội dung giáo viên yêu cầu. Đồng thời, SV cũng được khuyến khích tham gia NCKH, seminar, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với GV [H4.04.03.03]. Điều này tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học. Bên cạnh đó, Khoa Sư phạm ngoại ngữ cũng tổ chức các chương trình trong các năm học nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học của SV như các Hội nghị Học tốt nhằm giới thiệu phương pháp học tập cho sinh viên, Diễn đàn Tư vấn cách viết CV và phỏng vấn xin việc, tổ chức *Ngày hội việc làm cho sinh viên*, v.v.. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Nhà trường và Khoa tổ chức như các cuộc thi *English Speaking Contest*, *English Drama Contest*, cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học. [H4.04.03.04]. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website nhà trường, thư viện trường, qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV. [H4.04.03.05]. Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, hàng năm, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tổ chức hội thi “Nghịệp vụ sư phạm” và tổ chức Rèn luyện nghịệp vụ sư phạm thường xuyên, Thực tập sư phạm cho sinh viên ngành SPTA. [H4.04.03.06].

Ngoài ra, để tăng cường hơn nữa quá trình thực hiện các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người

học, trường Đại học Vinh ban hành các thông báo lấy ý kiến phản hồi của người học về CTĐT ngành SPTA, bao gồm cả các hoạt động dạy học rèn luyện kỹ năng, thúc đẩy khả năng tự học của người học đáp ứng CDR của CTĐT. Về hiệu quả, chất lượng công việc, khả năng tự nghiên cứu sáng tạo của người đã tốt nghiệp và đi làm, trường Đại học Vinh đã có Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên đã tốt nghiệp từ năm 2016 đến năm 2018 [H4.04.03.07]

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành SPTA đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, giúp SV hình thành năng lực tự học và tự chủ, năng lực nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong học tập, trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai.

100% Đề cương chi tiết các học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa áp dụng linh hoạt các nhiệm vụ, biện pháp để tăng cường khả năng tự học và làm việc độc lập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các seminar, tăng cường dự giờ rút kinh nghiệm, khuyến khích GV dành thời gian dự giờ đồng nghiệp để chủ động thiết kế các hoạt động giám sát và thúc đẩy năng lực tự học của SV	Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm

2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp dạy học tích cực để sinh viên phát huy năng lực tự học và tự chủ, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPTA	Khoa SPNN	05/2021	Hàng năm
----	--------------------	--	-----------	---------	----------

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật là PP tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành SPTA được lựa chọn phù hợp với triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt và phù hợp với từng học phần như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV đạt được CĐR của CTĐT và có khả năng tự học tập suốt đời.

Điểm tồn tại cơ bản liên quan đến việc xây dựng cơ chế, mô hình kiểm soát việc tự học của SV. Mặc dù tất cả các học phần đều quy định thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, nhưng việc đánh giá kết quả tự học chưa đồng bộ và thống nhất.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với CDR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành SPTA tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH, Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy định đào tạo đại học chính quy các ngành trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá cũng như quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo hệ thống tín chỉ cũng như theo tiếp cận CDIO; quy định về đánh giá quá trình trong đào tạo tiếp cận CDIO. Theo đó, trung tâm ĐBCL là đơn vị quản lý nhập điểm và dữ liệu kết quả điểm của sinh viên, học viên trên hệ thống phần mềm quản lý điểm, phòng Đào tạo có trách nhiệm xử lý kết quả do trung tâm ĐBCL cung cấp và các khoa chuyên ngành chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên, học viên thuộc khoa quản lý. [H5.05.01.01]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của

từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Sư phạm tiếng Anh, khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H5.05.01.02]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi học phần và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm ĐBCL gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần bổ sung câu hỏi và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận). Trong thời gian quy định, các GV phụ trách học phần nộp lại bộ đề thi bổ sung, chỉnh sửa cho Trưởng Bộ môn. Khi đã có đủ số lượng câu hỏi thi trong ngân hàng đề thi, Trung tâm ĐBCL tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Theo quy định, GV phụ trách học phần phải hoàn thành điểm chuyên cần, giữa kỳ và chuyển cho bộ phận văn phòng vào điểm. Kết quả học tập của người học được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [H5.05.01.03].

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá Nhà trường ban hành phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Từ năm 2017 (đối với Khóa đào tạo thứ 58), Nhà trường áp dụng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Do đó, đề cương môn học của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học [H5.05.01.04]. Nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học của người học được

xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc bài tập lớn [H5.05.01.03]. Các GV phụ trách học phần có nhiệm vụ xây dựng bản đặc tả ma trận đề thi/ câu hỏi thi bám sát các mục tiêu học phần. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học ở mức độ nhận thức bậc thấp, đó là Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng) (Theo Thang năng lực nhận thức của Bloom; đánh giá cuối kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học trên cả 5 mức: Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo. Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát CĐR của học phần sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTDH, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H5.05.01.04].

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần [H5.05.01.05].

Trường Đại học Vinh và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Theo đó, từ năm 2015 trở về trước, Nhà trường áp dụng quy định thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp đại học; từ năm 2016 nhà trường áp dụng quy định miễn thi tốt nghiệp [H5.05.01.07].

Các quy định về kiểm tra-thi được quy định rõ ràng và công bố công khai, thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, các diễn đàn trao đổi phương pháp học tập cho SV đầu khóa. Ngoài ra, SV được cung cấp đề cương học phần và các quy định về kiểm tra đánh giá từng học phần thông qua buổi học đầu tiên để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp trong quá trình học tập. Việc SV đăng ký học vào các lớp học phần và theo dõi tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật một cách công khai và liên tục thông qua tài khoản cá nhân tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn>. SV được biết rõ các quy định về quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả học tập [H5.05.01.08].

100% GV cơ hữu giảng dạy CTĐT ngành Sư phạm Anh có chứng chỉ năng lực nghiệp vụ sư phạm và phần lớn GV được đào tạo và có chứng chỉ về kỹ năng kiểm tra đánh giá từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước [H5.05.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân đối các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

CĐR về chuyên cần thái độ chưa được đánh giá sâu sát, hầu như chỉ được đánh giá thông qua việc chuyên cần trong học tập ($\approx 10\%$ điểm quá trình).

Việc thiết kế, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GD&ĐT, vào đề cương chi tiết môn học. Khoa chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR ngày càng hiệu quả hơn.

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh

giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Các Bộ môn rà soát hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh một cách hợp lý.	Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm
		Phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV.	Trung tâm ĐBCL	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để sinh viên phát huy năng lực, đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành SPTA	Khoa SPNN	05/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Sư phạm tiếng Anh - Khoa SP Ngoại ngữ được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H5.05.02.01].

Về thời gian: Các hình thức kiểm tra đánh giá (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

Về trọng số điểm: Giai đoạn 2016-2017, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (20%) và thi cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường.

Từ năm học 2017-2018 (khóa 58), Nhà trường cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học [H5.05.02.02], theo đó đánh giá ý thức học tập (gồm học tập chuyên cần và học tập tích cực trên lớp và ở nhà, chiếm 10%), hồ sơ học tập (gồm viết báo cáo, thuyết trình, bài thu hoạch, bài tập theo dự án, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, chiếm 20%), kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 lần theo hình thức trắc nghiệm trên máy đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống và kiểm tra 2 lần đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên, chiếm 20%) và thi kết thúc môn học (theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận, chiếm 50%). Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường, khoa và cổng thông tin cá nhân sinh viên [H5.05.02.03]. Trung tâm đảm bảo chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

Về nội dung: Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử phải đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành Sư phạm tiếng Anh đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [H5.05.02.04].

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu

Về tiêu chí đánh giá: Việc kiểm tra đánh giá ý thức học tập, hồ sơ học tập, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ đều có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng học phần; đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của sinh viên cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể; đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến sinh viên theo đúng tiến độ và quy trình. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hàng năm [H5.05.02.05].

SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra [H5.05.02.06]. Nhà trường cũng tổ chức các chương trình gặp mặt, các lớp học chính trị đầu khóa cho tân sinh viên để SV có cơ hội làm quen với môi trường mới [H5.05.02.07]. Ngoài ra, SV ngành Sư phạm tiếng Anh được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập của khoa [H5.05.02.08]. Các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trên trang web của Nhà trường và của khoa, tuy nhiên việc truy

cập vào website của người học chưa được thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tăng cường sử dụng website môn học và phần mềm quản lý người học (LMS) qua đó GV sẽ đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các bài tập hỗ trợ việc học tập để làm cơ sở kiểm tra đánh giá quá trình học tập, đồng thời giúp SV chủ động truy cập quy định và kế hoạch kiểm tra đánh giá.	Trung tâm CNTT Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	9/2021 Hàng năm	Hàng năm Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá tích cực để sinh viên phát huy năng lực, đáp ứng được CDR của CTĐT ngành SPTA	Khoa SPNN	05/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH Vinh [H5.05.03.01].

Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT từ năm học 2007- 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lí thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lí thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá giữa kì và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.02]. Đặc biệt, trong hai năm học 2014 - 2015 và 2015 - 2016, Nhà trường đã thí điểm triển khai đánh giá kết quả học tập giữa kì của sinh viên theo hình thức thi trực tuyến, sinh viên được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng [H5.05.03.03]. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.04].

Đối với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhà trường đưa ra quy chế đào tạo đào tạo theo CDIO, trong đó có quy định về cách thức đánh giá sinh viên bám sát vào năng lực, đảm bảo độ tin cậy [H5.05.03.05]. Đối với việc xây dựng ngân hàng đề thi các học phần theo hướng tiếp cận CDIO, Nhà trường ban hành quy định về xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực sinh viên [H5.05.03.06].

Ngành Sư phạm Anh đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng giảng viên trong các phiên họp Bộ môn [H5.05.03.07]. Giảng viên tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho sinh viên trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, giảng viên báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng yêu cầu đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HS-SV phải luôn bám sát quá trình học tập của sinh viên. Đối

với những sinh viên thuộc diện cảnh báo thì các bên liên quan phải theo dõi và nhắc nhở, hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập. Khi kết thúc học phần, nếu giảng viên cầm thi trường hợp sinh viên nào đều phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo sinh viên với Trưởng Bộ môn, nếu trong quá trình giảng dạy, giảng viên không nhắc nhở cảnh báo sinh viên, thì giảng viên phải chịu trách nhiệm [H5.05.03.08].

Các Bộ môn ngành Sư phạm Anh luôn luôn chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm giảng viên căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [H5.05.03.09].

Bên cạnh việc cải tiến qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, Nhà trường còn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên như tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.10].

Từ khóa đào tạo K58, đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của các học phần được xây dựng và thực hiện theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO mà Nhà trường đã ban hành tại Quyết định số 1262 [H5.05.03.11]. Quy trình xây dựng đề thi được thực hiện theo các bước sau:

1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi:

- + Căn cứ vào các văn bản và quy định về cách ra đề thi
- + Căn cứ vào Bảng mô tả danh mục các CĐR học phần đáp ứng CĐR của CTĐT.
- + Căn cứ vào đề cương chi tiết học phần, trong đó có Bảng Đánh giá môn học *(các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (thể hiện mối tương quan giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu) [H5.05.03.12].)

3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (thể hiện mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT) [H5.05.03.13].)

4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu

hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3

5) Xây dựng Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi tương thích giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của sinh viên đáp ứng CĐR của môn học và CTĐT [H5.05.03.13].

Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, Khoa dựa vào các công cụ và văn bản sau: (1) Các văn bản của Nhà Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO và xây dựng đề thi; (2) Mục tiêu, CĐR môn học; (3) Đề cương chi tiết môn học; (4) Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi; (5) Ma trận câu hỏi thi; (6) Ngân hàng câu hỏi thi; (7) Bảng chỉ dẫn cách thức bốc đề thi; (8) Kết quả thi của sinh viên [H5.05.03.14].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Ngành Sư phạm Anh tiếp tục áp dụng đào tạo tiếp cận CDIO; đơn vị sẽ nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi theo lộ trình giai đoạn 2 của chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá toàn bộ học phần.	Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy	Tăng cường áp dụng các mô hình và phương pháp đánh giá	Khoa SPNN	05/2021	Hàng năm

	điểm mạnh	tích cực để sinh viên phát huy năng lực, đáp ứng được CDR của CTĐT ngành SPTA			
--	--------------	---	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được khoa Sư phạm Ngoại ngữ phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường Đại học Vinh [H5.05.04.01], theo đó các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến từng giảng viên bộ môn và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát.

Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập [H5.05.04.02].

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua Cẩm nang sinh viên, tài khoản cá nhân của SV và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại vinhuni.edu.vn [H5.05.04.03]. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá. Cuối mỗi kỳ học, Khoa có gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình (giấy thông báo này có ký nháy của trợ lý đào tạo và chữ ký của Ban chủ nhiệm Khoa) [H5.05.04.04]

để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của người học. Từ đó, người học có kế hoạch cải thiện việc học tập cho phù hợp với tiến độ đã đề ra.

Bên cạnh đó, Khoa cũng có những hình thức khen thưởng đối với SV xuất sắc, SV giỏi hằng năm thông qua kết quả học tập và rèn luyện của người học; đồng thời nắm bắt những trường hợp SV vi phạm trong quá trình học tập để kịp thời nhắc nhở người học cải thiện thái độ và có kế hoạch học tập hợp lý [H5.05.04.05].

Từ năm học 2017-2018, việc kiểm tra giữa kỳ được tiến hành theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính nên không có SV phản hồi về kết quả kiểm tra. Mỗi học kỳ, các Bộ môn có họp tổng kết, đánh giá công tác ra đề thi, chấm thi và thông báo kết quả thi cuối kỳ cho SV để có điều chỉnh, cải tiến cho kỳ học tiếp theo, đồng thời phối hợp cùng CVHT và TLĐT có kế hoạch tư vấn, giúp đỡ SV cải tiến kết quả học tập [H5.05.04.06]. Điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần [H5.05.04.07]. SV được cung cấp bảng điểm (có chữ ký của Ban chủ nhiệm Khoa) trong các trường hợp cần thiết [H5.05.04.08].

Nhà trường, Khoa SP Ngoại ngữ tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Khảo sát được tiến hành dưới dạng bảng hỏi qua Cổng thông tin trực tuyến của SV, mỗi năm học tiến hành 2 lần vào thời điểm trước khi SV đăng ký học cho học kỳ mới; kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn [H5.05.04.09].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết

quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng sinh viên và giảng viên, đặc biệt là đội ngũ Trưởng bộ môn, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo và GV chủ nhiệm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và phản hồi kịp thời đến người học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa SP Ngoại ngữ đề xuất với Nhà Trường về việc công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm GMC hoặc LMS để SV tự đối chiếu với bài thi qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi.	Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác kiểm tra đánh giá	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá	
Chưa đạt	Đạt

❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐH Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Cẩm nang sinh viên* và trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.05.02], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép, theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, cán bộ chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và Tổ trưởng tổ chấm hoặc cán bộ chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Giám đốc Trung tâm ĐBCL đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của điểm đánh giá học phần.

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận cán bộ liên quan trong quá trình khiếu nại, Trung tâm ĐBCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan. Tình trạng

khieu nại về kết quả học tập của SV ngành Sư phạm Anh mỗi năm dao động từ 25 đến 30 SV (chiếm khoảng 0,03%) và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.03].

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường sẽ có kế hoạch chỉ đạo rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học, đồng thời Ban chủ nhiệm Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ chỉ đạo Cố vấn học tập hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả.	Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	9/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác kiểm tra đánh giá	Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh là việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Sư phạm tiếng Anh, Khoa SP Ngoại ngữ được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa SP Ngoại ngữ luôn tập trung vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Điểm tồn tại là các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức,

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Vinh nói chung và của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, Nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của Nhà trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và ngành Sư phạm Tiếng Anh được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và PVCĐ thể hiện qua tỷ lệ GV/Người học đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ và tạo nguồn cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự

[H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, bổ nhiệm cán bộ quản lý... Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng... của các đơn vị hàng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt và được triển khai thực hiện. [H6.06.01.02],[H6.06.01.03].

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về tiêu chí tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên Chức và quy định của Nhà trường [H6.06.01.04]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý, bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... [H6.06.01.05].

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ, vào đầu năm học, các Khoa đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến thời điểm báo cáo (tháng 5.2021), tất cả các GV của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và ngành SPTA đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng các ngoại ngữ khác nhau trong công việc [H6.06.01.06]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện ở Bảng 6.1.1.

Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Sư phạm Ngoại ngữ theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020-2021 (tính đến tháng 04/2021)

TT	Trình độ / Học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Phó Giáo sư	02	4,1	1	1			1		1
2	Tiến sĩ	08	16,2	3	5		2	4	1	1
3	Thạc sĩ	37	75,6	8	29	2	9	24	3	
4	Đại học	02	4,1	0	2	2				
	Tổng	49	100	12	37	4	11	28	4	2

Ban chủ nhiệm Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của CTĐT, từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và ngành SPTA xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc. Căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của đơn vị, Trường khoa đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường và Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website Trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ. Kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [H6.06.01.07]. Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và Trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo [H6.06.01.08]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV, NCV được tuyển dụng mới của Khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.01.09], số lượng cán bộ tuyển mới được thể hiện ở Bảng 6.1.2. Việc tuyển dụng giảng viên tiếng Anh đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm thường gặp một số khó khăn do nguồn tuyển hạn chế, năng lực của một số ứng viên chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong các năm học 2015-2016, 2017-2018, 2019-2020, Khoa đều tuyển mới các

sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường nhưng đáp ứng được các yêu cầu trong thông báo tuyển dụng; đồng thời Khoa có chính sách tạo nguồn đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc ở lại làm giảng viên của Khoa.

**Bảng 6.1.2: Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới
của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ trong 5 năm qua**

Trình độ	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
GS, TS	0	0	0	0	0
PGS, TS	0	0	0	0	0
TS	0	0	0	0	0
ThS	0	0	0	0	0
ĐH	02	0	02	0	02
Tổng số	02	0	02	0	02

Hằng năm, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa và ngành SPTA [H6.06.01.10]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, NCV, Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV, NCV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.11]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành bảo vệ luận án tiến sĩ... [H6.06.01.12].

Việc chuyển đổi đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí [H6.06.01.13].

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ

nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.14].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.15].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV, NCV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.16] [H6.06.01.17]. Nhà trường và Khoa có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác... [H6.06.01.18].

Nhà trường thường xuyên ban hành các quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV [H6.06.01.19].

2. Điểm mạnh

- Công tác quy hoạch đội ngũ được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nam và có trình độ tiến sĩ trở lên nộp hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều; do đặc thù của ngành đào tạo ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa Sư phạm Ngoại ngữ trong đó có ngành SPTA cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành Sư phạm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới cần đầy đủ các nội dung cốt lõi.	Phòng TCCB Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	9/2020	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Khoa, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội	Khoa		Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.			

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và kế hoạch phát triển của Khoa qua các giai đoạn [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]. Để đảm bảo tỷ lệ GV/người học (NH), Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa hàng

năm. Hiện nay tổng số CB, GV của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ là 54, gồm có 49 GV cơ hữu và 05 chuyên viên, trong đó có 02 PGS (chiếm 3,7%), 08 TS (chiếm 14,9%), 38 Th.S (chiếm 70,3%), 06 cử nhân (chiếm 11,1%). Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành Sư phạm Tiếng Anh là 49 người, trong đó có 02 PGS (chiếm 4,0 %), 08 TS (chiếm 16,3%), 37 ThS (chiếm 75,6%), 02 cử nhân (chiếm 4,0%), tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm, Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ SV/GV đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH của ngành Sư phạm Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ Đại học hiện thành theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định. Có được kết quả này là nhờ Khoa đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV [H6.06.02.04] [H6.06.02.05].

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành Sư phạm Tiếng Anh được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/SV bảng 6.2.2 như sau:

Bảng 6.2.1. Số GV ngành sư phạm Tiếng Anh

Hạng mục		Giới tính		Số lượng		Tỷ lệ có bảng (%)
		Nam	Nữ	Số lượng	FTEs	
GV toàn thời gian	PGS	01	01	02	0.4	100
	TS	03	05	08	1.6	100
	Ths	08	29	37	7.4	100
	Đại học	0	02	02	0.4	100
GV thỉnh giảng	PGS	0	0	0	0	0
	TS	0	0	0	0	0
	ThS	0	03	03	06	100
	ĐH	0	0	0	0	0

Tổng					
-------------	--	--	--	--	--

FTE là Full Time Equivalent: Số lượng CB-GV quy đổi thành GV toàn thời gian. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương làm việc toàn thời gian). Một cán bộ GV làm việc 8 giờ/tuần tương đương với 0.2 FTE.

Tỷ lệ SV/GV được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/SV của ngành Sư phạm Anh giai đoạn 2015 - 2020

<i>Năm</i>	<i>Tổng số FTEs của GV</i>	<i>Tổng số FTEs của người học</i>	<i>Tỷ lệ GV/ Người học</i>
2015-2016	9.8	15.2	1/1.55
2016-2017	9.8	11.6	1/1.18
2017-2018	9.8	25	1/2.55
2018-2019	9.8	11.4	1/1.16
2019-2020	9.8	24.2	1/2.47

Tỷ lệ GV/SV theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu.

Quy định về chế độ làm việc đối với GV và NCV được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành [H6.06.02.06], trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, Trường Đại học Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*, theo đó, trong một năm số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh tối thiểu là 270 giờ giảng dạy và 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác với định mức giờ chuẩn là 70 đến 120 giờ/năm tương ứng với hệ số lương (áp dụng từ năm 2020 trở về trước). Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua nhiều hình thức khác nhau: Nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy học tập; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH; Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức quy đổi ra giờ chuẩn. Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên

môn, seminar, dự hội nghị, hội thảo khoa học, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, cố vấn học tập, chấm thi và các công tác đoàn thể, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội... Các loại hình hoạt động theo quy định và đều được quy đổi thành giờ chuẩn. Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng (*hiện nay việc xác lập khối lượng công việc này đang được xem xét trong mục “các hoạt động chuyên môn khác”*) như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng, tham gia bồi dưỡng giáo viên phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới... Bên cạnh đó, CB và GV của Khoa đã đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân... cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (sinh viên, học sinh và người già neo đơn trên địa bàn) đáp ứng được mục tiêu của Nhà trường và Khoa đề ra. Khoa cũng phân công GV theo dõi, hỗ trợ công tác đoàn tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như *Thứ bảy tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh, Hiến máu nhân đạo*,... [H6.06.02.07], [H6.06.02.08].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV. Căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy, NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.10]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (canbo.vinhuni.edu.vn). Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy

định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [H6.06.02.11].

Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành SPTA đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành SPTA đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [H6.06.02.12].

2. Điểm mạnh

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành SPTA, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/SV và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Khoa đã ban hành các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành SPTA đủ và đảm bảo khối lượng hợp lý, đúng quy định, tuy nhiên do cơ cấu độ tuổi, trong thời gian tới Khoa sẽ thiếu hụt CB có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Hạn chế điểm tồn tại	- Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	1/2021	Hàng năm

		giảng dạy, NCKH và PVCD. - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tận dụng các mối quan hệ hợp tác với các Trường Đại học Trong nước và nước ngoài có uy tín để có thể có những chương trình trao đổi giáo viên thỉnh giảng có chất lượng.	Trường/ Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	9/2021	Hằng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, NCV [H6.06.03.02] [H6.06.03.03]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV, NCV cho các vị trí, Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu

chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt*; 2) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ*; 3) *Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc*; 4) *Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp*; 5) *Lý lịch bản thân rõ ràng*. Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.04] [H6.06.03.05].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn vị. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch giảng viên thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng... [H6.06.03.06].

Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trong 5 năm qua, Khoa đã tuyển dụng số cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên. Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2015-2020

Năm học	Số lượng	Giảng viên	Trình độ CM	Xếp loại TN
2015-2016	02	Dương Đức Ánh	Đại học	Khá
		Nguyễn Văn Anh	Đại học	Giỏi
2016-2017	0	Không tuyển mới		

2017-2018	02	Lê Hữu Thành Trung	Đại học	Khá
		Lê Diệu Linh	Đại học	Khá
2018-2019	0	Không tuyển mới		
2019-2020	02	Nguyễn Thị Dương Ngọc	Đại học	Xuất sắc
		Văn Thị Hà	Đại học	Xuất sắc

Hàng năm, Nhà Trường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng và Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.08] [H6.06.03.09]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.03.10][H6.06.03.11]. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học, ...nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB-GV-NV trước khi ban hành chính thức [H6.06.03.12].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung liên quan đến tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên *i-office* của Nhà trường.

- Công tác CB của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thực hiện theo Quy định về

quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên.	Phòng TCCB Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	9.2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đúng các nguyên tắc tuyển dụng CB, GV	Khoa		Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Khoa nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014) [H6.06.04.01]. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành, bao gồm: tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu, định mức giờ chuẩn trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay Giảng viên bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [H6.06.04.02]. Đến nay, tất cả các GV của ngành SPTA đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.03].

Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, NCV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV. Văn bản này đã được xây dựng một cách dân chủ, được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường [H6.06.04.04]. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Việc triển khai thực hiện các quy định này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV

trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Tất cả các GV của Khoa đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.06].

Bên cạnh đó, việc đánh giá năng lực và trình độ chuyên môn trong Bộ môn cũng hết sức được chú ý. Hàng năm, Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tổ chức dự giờ, thao giảng để đánh giá chất lượng của GV. Thông qua ý kiến đánh giá và góp ý sau mỗi giờ thao giảng, các GV có thể hoàn thiện hơn nữa về kỹ năng giảng dạy và qua đó nâng cao năng lực đào tạo của bản thân [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Việc đánh giá giúp giảng viên cải tiến chất lượng giảng dạy của bản thân mình cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng giảng dạy tốt hơn.

Ngoài ra, năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học. Đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa Sư phạm Ngoại ngữ để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.09], từ đó có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

Kết quả của Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV cho thấy, các GV thuộc Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đều có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và đóng góp cho cộng đồng. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị; Nhà trường có cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển công tác cán bộ để đáp ứng được mục tiêu phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H6.06.04.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV; có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc

đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Các GV, NCV của Khoa luôn tích cực tham gia tất cả các đợt tập huấn trong nước về PPDG, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT theo chương trình Đề án Ngoại ngữ 2020.

- Nhiều giảng viên của Khoa có trình độ tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung rất tốt.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa bổ sung một số năng lực cần thiết đối với GV giảng dạy trình độ đại học hiện nay như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế,...

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều.

- Số lượng GV có trình độ cao của Khoa chưa đáp ứng được yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho GV hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế... - Khoa cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH	Phòng TCCB Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	9 .2021	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV, NCV theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra	Khoa	5.2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường ĐH Vinh và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, PGS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của ngành SPTA được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao [H6.06.05.04] [H6.06.05.05]. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài. Các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2015 đến nay ngành SPTA đã có thêm 03 tiến sĩ, nâng số lượng GV có trình độ tiến sĩ trong ngành lên 16,3 %. Theo kế hoạch, Khoa sẽ có thêm 01 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích GV phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2015-2020

Năm học	SL đi học ThS	SL đi học TS/ Sau TS	Họ và tên GV	Nơi học tập	Nguồn kinh phí	Tình trạng hiện tại
---------	---------------------	-------------------------------	--------------	-------------	-------------------	------------------------

2015-2016	1		Nguyễn Thị Tô Hằng	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
		2	Trần Thị Hào	Australia	Trường ĐH	Hoàn thành
			Trần Thị Thanh Tú	Australia	AusAids	Chưa HT
2016-2017						
2017-2018	2		Nguyễn Văn Anh	Anh	Tự túc	Hoàn thành
			Dương Đức Ánh	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
2018-2019	7		Lê Diệu Linh	Anh	Tự túc	Hoàn thành
			Lê Hữu Thành Trung	Anh	Tự túc	Hoàn thành
			Nguyễn Lê Hoài Thu	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
			Trương Thị Minh	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
			Nguyễn Duy Bình	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
			Nguyễn Thị Kim Anh	Việt Nam	Trường	Hoàn thành
			Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Việt Nam	Trường	Hoàn thành
2019-2020	3		Phạm Xuân Sơn	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành
			Nguyễn Thị Dương Ngọc	Anh	Tự túc	Hoàn thành
			Văn Thị Hà	Việt Nam	Tự túc	Hoàn thành

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hàng năm với nhiều hình thức khác nhau. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để

làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Giảng viên, nghiên cứu viên trẻ có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ cần quan tâm đến quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Lập kế hoạch khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV theo lộ trình, trong đó lưu ý đến một số nhu cầu gắn với thực tiễn công tác giảng dạy và đào tạo.	Phòng TCCB Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	09/2021	Hàng năm
2	Phát	- Tiếp tục thường xuyên khảo sát	Nhà	09/2021	Hàng

	huy điểm mạnh	lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ. - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập.	trường, Khoa, Phòng TCCB		năm
--	---------------------	---	-----------------------------------	--	-----

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCD đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin

ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Khoa có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... [H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV, Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua-khen thưởng của Khoa xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Khoa sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa, xem

xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

**Bảng 6.6.1. Số lượng CB-GV đạt danh hiệu thi đua khen thưởng
(từ năm học 2015 - 2016 đến 2019 - 2020)**

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bằng khen của Bộ trưởng	Các hình thức khen thưởng khác
2015-2016	6			
2016-2017	7			
2017-2018	7			
2018-2019	8			
2019-2020	7			

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua-khen thưởng của Khoa, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11][H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói chung, ngành SPTA nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai

đoạn 2016-2020, GV của ngành SPTA luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. Đa số GV ngành SPTA hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2016-2020 cho thấy hơn 90 % GV ngành SPTA được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong Khoa.

- Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, hoàn thành gần đủ nhiệm vụ NCKH và hoạt động PVCD hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc, sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà trường và Khoa cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành	Nhà trường	12/2020	Hàng năm

		tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ Nhà trường	12/2020 12/2020	
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.		12/2020	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như bảng 6.7.1.

Bảng 6.7.1. Số giờ NCKH qui định cho GV (trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113)

Giảng viên có hệ số lương	Định mức giờ NCKH
≥ 6.2	315
≥ 5.76	260
≥ 4.40	220
≥ 4.32	200
≥ 3.33	175
≥ 2.34	165

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt

động NCKH của GV [H6.06.07.03].

**Bảng 6.7.2. Tổng hợp đăng ký NCKH Khoa Sư Phạm Ngoại ngữ
từ 2015-2016 đến 2019-2020**

Năm học	Đề tài các cấp		Bài báo		Sách		
	Cấp trường	Cấp bộ/tỉnh	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo	Sách chuyên khảo
2015 -2016	03	0	14	15	0	0	02
2016 - 2017	03	0	06	13	01	05	0
2017 - 2018	10	01	12	10	01	0	0
2018 - 2019	06	0	12	10	0	0	01
2019 - 2020	02	0	18	04	01	0	0

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV Khoa đăng ký thực hiện trong 5 năm học vừa qua được thống kê cụ thể (trong bảng 6.7.2). Hằng năm, Khoa đều có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, giáo trình hoặc sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV ngành SPTA được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [H6.06.07.04] [H6.06.07.05]. Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, giúp sinh viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.06]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.07.07].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Khoa và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2015- 2020, các GV ngành và Khoa đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt [H6.06.07.08][H6.06.07.09]. Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giữa số giờ NCKH định mức của từng giảng viên với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH. Kết quả được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV đã có sự cải thiện [H6.06.07.10] [H6.06.07.11]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.12] [H6.06.07.13].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, Bộ môn..., Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa/Viện [H6.06.07.14].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản yêu định cụ thể số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện; có định kỳ rà soát, giám sát và

đôi sánh.

- Đội ngũ GV, NCV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp bộ. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

- Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước. Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

- Số lượng công bố quốc tế, công bố khoa học còn chưa đồng đều giữa các GV

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước. - Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế có uy tín.	Phòng KH-HTQT Khoa SPNN	10/2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa.	Phòng KH-HTQT Khoa SPNN	5/2021	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá	
Chưa đạt	Đạt

❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Điểm mạnh nổi bật là Trường Đại học Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện các CTĐT đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, công tác quy hoạch bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ một cách đồng bộ, đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá GV và NCV được thực hiện theo đúng quy định, với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau, đảm bảo công bằng, minh bạch, tạo động lực cho GV và NCV. Kết quả đánh giá xếp loại hằng năm của GV và NVC của Khoa về giảng dạy, NCKH và PVCĐ luôn được đánh giá mức tốt trở lên; trong đó các hoạt động NCKH đã được cải thiện theo từng năm.

Điểm tồn tại cơ bản do công tác tạo nguồn quy hoạch GV ngành SPTA chưa đạt hiệu quả. Nhà trường và Khoa chưa ban hành các Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa theo các giai đoạn phát triển chiến lược của Nhà trường. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ có trình độ cao ở Khoa còn thấp so với tỷ lệ chung của trường. Năng lực NCKH của đội ngũ GV, NCV còn hạn chế và chưa đồng đều. Khoa còn thiếu các công trình NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ, các đề tài cấp tỉnh, các đề tài PVCĐ.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 7/7 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 7

ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành SPTA bao gồm nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm, trạm của Nhà trường và làm việc tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Nhà trường và Khoa/Viện, được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong việc quy hoạch, lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng và các chế độ chính sách hỗ trợ nhằm không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh hiện có 318 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào (TT-TV), Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (THTN), Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Trung tâm Công nghệ thông tin (CNTT), Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX), Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (HTSV-QHDN),... các Phòng ban như Phòng đào tạo (ĐT), Phòng Công tác chính trị học sinh - sinh viên (CTCT HSSV), Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), Phòng Quản trị và Đầu tư (QT &ĐT) Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (KH &HTQT)... có trình độ đại học trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường Đại học Vinh được thực hiện bài bản, khoa học dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.01].

Nhà trường đã quy định chuẩn chức danh nghề nghiệp và ban hành đề án vị trí

việc làm cho các Phòng/Trung tâm. [H7.07.01.01] Đầu mỗi năm học, các đơn vị đào tạo, phòng/ban/trung tâm phân tích, rà soát nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Trường, từ đó xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và trình lên lãnh đạo Trường. Trên cơ sở quy hoạch đội ngũ cán bộ của các Phòng/Ban/Trung tâm, lãnh đạo Trường họp hội đồng và phê duyệt quy hoạch cán bộ hỗ trợ cho các đơn vị. [H7.07.01.02].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và bộ phận Một cửa, ban truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện công khai trong các văn bản, quy định, quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Vinh, và các đề án tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ,...[H7.07.01.03]. Hàng năm Nhà trường luôn có các chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.04]

Công tác đào tạo ngành SPTA được hỗ trợ bởi đội ngũ cán bộ hỗ trợ làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm, trạm đáp ứng đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng như Phòng CTCT HSSV, Phòng ĐT, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm HSSV-QHDN, Trung tâm Nội trú, Trạm Y tế. Ngoài ra, ngành SPTA còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn thư - văn phòng, 01 chuyên viên phụ trách Quản lý công tác HSSV, 02 chuyên viên - hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng lab, 01 chuyên viên - hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các hoạt động liên quan đến Đề án Ngoại ngữ, 02 GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, 02 GV kiêm nhiệm công tác Trợ lý đào tạo (01 cho hệ đào tạo chính quy và 01 cho hệ vừa học vừa làm) và 01 trợ lý ĐBCL (Danh sách cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT). [H7.07.01.05]. Các CB hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường. Nhà trường cũng có chính sách luân chuyển cán bộ hỗ trợ. Sau 05 năm làm việc, mỗi cán bộ được luân chuyển

đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ cán bộ có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt trong công việc, đồng thời đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các cán bộ ở các Phòng/Trung tâm [H7.07.01.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường. Theo từng năm, từng giai đoạn, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc.

Ngoài đội ngũ cán bộ hỗ trợ làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm, trạm của Trường, đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Rà soát quy hoạch, tuyển dụng bổ sung nhân sự	Phòng KH-HTQT Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm,

điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và phát triển được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản về Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường Đại học Vinh [H7.07.02.01]. Quy chế này được xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường, được phổ biến công khai trên website và trong các hội nghị và lấy ý kiến của các bên liên quan [H7.07.02.02].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

Việc tuyển dụng cán bộ được xuất phát từ nhu cầu của Khoa/Viện, các Phòng ban và các Trung tâm. Dựa trên đề án vị trí việc làm, Trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch, các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên i-Office, Website của Trường. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường [H7.07.02.03].

Nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các phòng ban và các trung tâm được phân nhiệm vụ rõ ràng và được công bố trên Website của từng đơn vị. Việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính là yêu cầu bắt buộc thường xuyên, áp dụng với tất cả các CB, viên chức của Nhà trường, được thực hiện theo kế hoạch và qui định về công tác cán bộ. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên [H7.07.02.04].

Năm 2017, Trường đã triển khai tái cấu trúc nhằm tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính, để tạo tiền đề cho việc tự chủ của Trường trong những năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Sư phạm Ngoại ngữ.

2. Điểm mạnh

- Quy chế về công tác cán bộ, các quy định về tuyển chọn viên chức, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên của Nhà trường được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

- Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Trường về việc tuyển dụng và các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Sư phạm Ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Các Khoa/ viện cần được tham vấn về tiêu chí điều chuyển cán bộ hỗ trợ CTĐT của đơn vị

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tham vấn các đơn vị đào tạo đối với cán bộ hỗ trợ CTĐT của đơn vị	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí: 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Khi tuyển dụng, các yêu cầu năng lực đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy chế hoạt động của Khoa SPNN và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ cấp trường và hỗ trợ cấp CTĐT. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp trường trực thuộc các phòng ban, trung tâm của Trường, đội ngũ cấp CTĐT gồm Chuyên viên Văn phòng khoa, Trợ lý Quản lý HSSV và các GV làm công tác kiêm nhiệm như: trợ lý đào tạo, trợ lý ĐBCL, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ cử nhân trở lên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực cho từng vị trí công việc. [H7.07.03.01]

Năng lực của của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá dựa vào các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ của Trường [H7.07.03.02].

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại.

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến định kỳ hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. [H7.07.03.03].

Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ. 100% đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. Việc đánh giá xếp loại cán bộ định kỳ hàng tháng và hàng năm theo Bộ môn, đơn vị dựa trên hiệu quả công việc, giúp đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn có động lực cải tiến chất lượng phục vụ sinh viên. [H7.07.03.04]. Các quyết định kết quả khảo sát năng lực (ngoại ngữ, CNTT...) của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng là một trong những căn cứ để xếp loại cán bộ định kỳ hàng tháng, hàng năm. [H7.07.03.04]

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng và đề án vị trí việc làm và được đánh giá hàng năm với kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của người học về các hoạt động của các đơn vị hành chính nhưng chưa lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Phòng CTCT HSSV	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công đánh giá, xếp loại cán bộ dựa trên kết quả và hiệu suất công việc	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí: 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường Đại học Vinh quan tâm chú trọng. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Trường phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn trường nói chung và ngành SPTA nói riêng, cũng như triển khai các hoạt động đáp ứng các nhu cầu này. [H7.07.04.01]

Hàng năm, nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ được xác định một cách có hệ thống từ các đơn vị đào tạo, các phòng ban chức năng đến Nhà trường. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, đội ngũ nhân viên đăng ký theo kế hoạch năm học tại các đơn vị, hàng năm Phòng TCCB ra công văn khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng sau đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. [H7.07.04.02]

Nhà trường có chính sách khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy định. Trường tạo điều kiện để các cán bộ nhân viên được học lên bậc ThS, TS tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện. Ngoài ra, Trường tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, hoặc tạo điều kiện tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, các hội thảo do các cơ sở đào tạo ở bên ngoài Trường tổ chức. Mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng-an ninh hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ. [H7.07.04.03].

Nhằm nâng cao hơn nữa năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, kết hợp với khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên, năm 2018, 01 nhân viên có nhu cầu tham gia đào tạo dài hạn để nâng cao trình độ, và đã

được Nhà trường phê duyệt tham dự tuyển sinh Thạc sĩ Ngành *Đo lường và đánh giá trong giáo dục* và năm 2020 đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ. [H7.07.04.03].

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ [H7.07.04.04]

Kết quả, Nhà trường và ngành SPTA hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lí SV và các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo. Nhiều cán bộ hỗ trợ thuộc các phòng ban, trung tâm trong Trường có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ, đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ tốt đáp ứng yêu cầu của CTĐT. [H7.07.04.05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ	Phòng TCCB Các đơn vị	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy	Duy trì tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng	Phòng TCCB	Hằng năm	Hằng năm

	điểm mạnh	lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhằm phát huy hơn nữa vai trò, hiệu quả của đội ngũ nhân viên trong công tác đào tạo và phục vụ đào tạo của Trường, Khoa và ngành SPTA	Các đơn vị		
--	--------------	--	------------	--	--

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				x		

Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có hệ thống văn bản để đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng. Dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận, nhân viên sẽ được đánh giá và công nhận.

Cụ thể, Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm. Trong mỗi đơn vị, chức năng nhiệm vụ của các cán bộ hỗ trợ được mô tả rõ ràng, khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm và được thể hiện trong kế hoạch năm học của cá nhân, tổ chuyên môn và đơn vị. Trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng. Trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Phòng TCCB có nhiệm vụ theo dõi và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và cán bộ hỗ trợ.[H7.07.05.01]

Hàng tháng, Trường triển khai xếp loại tất cả cán bộ dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành. Kết quả xếp loại là căn cứ để xác định

mức thu nhập tăng thêm nhằm tạo động lực cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác. Định kỳ cuối mỗi năm học, cán bộ được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình: cá nhân tự đánh giá xếp loại, tổ chuyên môn đánh giá xếp loại, ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và Hội đồng Thi đua - khen thưởng cấp trường đánh giá xếp loại. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho CB trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.05.02]

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn trường. Các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng [H7.07.05.03]

100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được xét tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Việc đánh giá đúng và khen thưởng kịp thời hàng năm đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận. Đây là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Việc đăng ký thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1.	Khắc phục tồn tại	Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy công tác quản trị theo kết quả công việc	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Điểm mạnh là Nhà trường đã ban hành và thực hiện các quy định liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ cán bộ hỗ trợ các CTĐT. Đồng thời, Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ, động viên, khen thưởng; và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, NV đáp ứng yêu cầu công việc. Đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành SPTA, 100% có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ ban hành những quy định về vị trí việc làm, tổ chức giám sát, đánh giá, động viên, khen thưởng đội ngũ hỗ trợ cấp CTĐT của Khoa.

Điểm tồn tại cơ bản là năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ còn hạn chế.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 7 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Giai đoạn 2016-2020, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp; trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Ngành SPTA - Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng quy chế tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được xác định rõ ràng, công khai minh bạch trong Thông báo tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường và trên Website vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh.

Quy trình xét tuyển được thực hiện rất rõ ràng, minh bạch, cụ thể là: (1) Trường ra Thông báo Điểm chuẩn tuyển sinh đại học, trong đó thông tin rõ chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Sư phạm tiếng Anh cho từng khối (A1, D) về điểm chuẩn; số lượng trúng tuyển và số chỉ tiêu xét nguyện vọng 2, thông tin xét tuyển nguyện vọng 2. [H8.08.01.02]. (2) Trường công bố phương án xét tuyển đợt 2, với những thông tin đầy đủ về chỉ tiêu, khối, điểm chuẩn NV2 [H8.08.01.03]. (3) Trường công bố Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển cho các bên liên quan [H8.08.01.04].

Năm 2016, chính sách tuyển sinh của ngành Sư phạm tiếng Anh được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo từng khối (khối A1, D) sang hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT. Năm 2017, Trường Đại học Vinh áp dụng tuyển sinh theo 2 phương án: xét tuyển dựa kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và xét tuyển theo hồ sơ học bạ THPT (thí sinh có điểm trung bình trung 5.5 điểm/môn đủ điều kiện nộp hồ sơ xét

tuyển, điểm xét tuyển học bạ 3 môn gồm Văn, Toán và tiếng Anh trong 3 năm THPT) [H8.08.01.05]. Các đối tượng ưu tiên được Trường Đại học Vinh tuyển thẳng theo Quy định của Bộ GD&ĐT qua các năm, gồm sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT, thí sinh là học sinh của các trường THPT chuyên, thí sinh thuộc diện khuyết tật và thí sinh là người nước ngoài [H8.08.01.06].

Kết quả thi, xét tuyển được thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình và đúng tiến độ [H8.08.01.07]. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá để điều chỉnh cho những năm tiếp theo [H8.08.01.08].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, khoa SP Ngoại ngữ đã có số lượng thí sinh được tuyển, điểm tuyển và số lượng SV nhập học được thể hiện ở bảng 8.1; số người học đang học CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được thể hiện ở bảng 8.2. Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành Sư phạm tiếng Anh từ năm 2016 đến 2020 dao động từ 24.00 đến 25.00 điểm, số lượng trúng tuyển và số lượng sinh viên nhập học đều tăng lên đáng kể. Năm 2016 chỉ có 67 thí sinh trúng tuyển và 58 SV nhập học nhưng đến năm 2020 số lượng đã tăng gấp ba với 224 thí sinh trúng tuyển và 224 SV nhập học. Xu hướng này cho thấy ngành Sư phạm tiếng Anh ngày càng được xã hội và người học quan tâm, chất lượng đào tạo và chất lượng đầu vào của ngành ngày càng được nâng cao.

Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất
(từ năm 2016 đến 2020)

Năm học	Ứng viên		
	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn
2016-2017	67	58	25.00
2017-2018	126	125	24.00
2018-2019	57	57	24.50
2019-2020	121	121	24.00
2020-2021	224	224	25.00

Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh
(trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2020-2021	224	116	56	121		517
2019-2020	121	56	121	58		356
2018-2019	57	121	58	76		312
2017-2018	125	58	76	86		345
2016-2017	58	76	86	88		308

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh được tiếp tục tiến hành hàng năm để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề xuất với Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa từ năm học 2020-2021.	Phòng Đào tạo Khoa SPNN	Hằng năm	Hằng năm

2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công khai và cập nhật chính sách tuyển sinh từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.	Phòng Đào tạo Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm
----	--------------------	--	-------------------------	----------	----------

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Theo đó, từ năm 2015 trở về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành Sư phạm Anh được tiến hành theo đúng quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT với 2 khối thi: Khối D (Văn, Toán và Anh văn) và khối A1 (Toán, Anh văn và Vật Lý); thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT quy định [H8.08.02.01-02] có điểm thi 3 môn theo 1 trong 2 khối trên theo điểm sàn quy định. Năm 2016, công tác tuyển sinh khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + điểm môn Anh văn x 2 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Việc xét tuyển dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Sự thay đổi quy chế tuyển sinh không ảnh hưởng lớn tới số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học. Cụ thể, năm 2016, trong số 83 thí sinh trúng tuyển NV1 ngành Sư phạm Anh chỉ có 67 SV nhập học NV1, trong khi đó, năm 2015 số lượng thí sinh nhập học NV1 là 69. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính qui của Nhà trường đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm, đồng thời có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn

đầu vào [H8.08.02.03]. Năm 2017, ngoài phương án xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia, Nhà trường thực hiện xét học bạ THPT (3 năm) đối với 3 môn Văn, Toán và tiếng Anh; thí sinh có điểm trung bình trung 5.5 điểm/môn đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển. Năm 2018, thí sinh đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển học bạ của năm lớp 12 với tổng điểm theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển (Văn, Toán, tiếng Anh) lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Việc áp dụng phương thức tuyển sinh mới và kết hợp với chiến lược quảng bá tuyển sinh, đổi mới CTĐT đã làm tăng số lượng thí theo học chuyên ngành Sư phạm Anh.

Các số liệu thống kê cho thấy, số lượng sinh viên theo học ngành sư phạm Anh tại trường đại học Vinh có xu hướng tăng lên đáng kể từ năm 2017 đến nay và đỉnh điểm là năm 2018, với số lượng sinh viên nhập học ngành này là 252. Số điểm đầu vào của sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh cũng khá ổn định, giao động từ 6 đến 6.25 điểm/ môn trong suốt giai đoạn từ năm 2016 đến 2020.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành Sư phạm Anh.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2016-2020, chất lượng đầu vào của một số thí sinh thuộc diện xét tuyển theo học bạ thấp hơn so với thí sinh được xét tuyển theo điểm thi, dẫn đến tình trạng số ít SV gặp khó khăn trong việc theo học CTĐT của ngành, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo theo tiếp cận CDIO.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Khoa cần có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp; phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Thực	Phòng Đào tạo Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

		hiện điều chỉnh, bổ sung, tăng cường xây dựng hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành SPTA; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho ngành SPTA - Đề xuất với Nhà trường đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành Sư phạm Anh một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời phương án tuyển chọn thí sinh.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh	Phòng Đào tạo Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong quy chế đào tạo đại học và quy định CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh của Nhà trường [H8.08.03.01]. Công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV và cảnh báo học vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục bởi Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm lớp và Quản lý sinh viên

khoa. Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập đồng chịu trách nhiệm giám sát khối lượng học tập của SV. Ngoài ra, Nhà trường và khoa SP Ngoại ngữ giao quyền chủ động và tự chịu trách nhiệm đối với công tác giám sát sự tiến bộ và kết quả học tập của SV ngành Sư phạm tiếng Anh cho các Bộ môn.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.02]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong Cẩm nang sinh viên [H8.08.03.03] nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, theo đó số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kỳ học chính là 15 TC và tối đa là 30 TC, đối với học kỳ phụ (học kỳ mùa hè) tối đa là 10 TC. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép SV đăng ký môn học thay thế để đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn. Khoa có cơ chế phản hồi kết quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin SV tại student.vinhuni.edu.vn, thư gửi kết quả kết quả học tập, rèn luyện của SV cho phụ huynh [H8.08.03.04]. Trường, khoa có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS) [H8.08.03.05].

Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT khung của ngành, quy chế học sinh, sinh viên của Nhà trường [H8.08.03.06]. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa. Sau khi đăng ký học thành công, sinh viên sẽ có kế hoạch học tập rõ ràng. Giảng viên phụ trách môn học có danh sách sinh viên tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn

luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức và trung tâm của Nhà trường như Hội sinh viên, Đoàn thanh niên, Trung tâm HTSV&QHDN [H8.08.03.07].

2. Điểm mạnh

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và hỗ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp cũng như tốt nghiệp đúng hạn.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Sự phân bổ nhiều môn học thuộc khối kiến thức chung trong 3 học kỳ đầu trong khi mỗi tuần SV chỉ được học 5 tiết của môn cơ sở ngành (Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh) đã phần nào hạn chế hứng thú học tập do tâm lý của SV là muốn được học ngay từ năm thứ nhất các môn học liên quan đến ngành đào tạo. Sự phân bổ các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tập trung từ học kỳ 4 trở đi khiến cho SV gặp khó khăn trong việc rút ngắn thời gian học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Ban chủ nhiệm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa kiến nghị Nhà trường xem xét điều chỉnh kế hoạch phân bổ các môn học đảm	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
		bảo tính hợp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm giúp SV nắm thứ nhất có thể học được học thêm một số môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc SV sớm tiếp cận với kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo, làm tăng hứng thú học tập và có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của các bên liên quan trong việc giám sát, hỗ trợ sự tiến bộ của người học	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt ngoại khóa bởi 2 Cố vấn học tập và đội ngũ GV chủ nhiệm các lớp [H8.08.04.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập

của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho Ban chủ nhiệm các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ học tập và rèn luyện, tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn nghề, khởi nghiệp của SV được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Khởi nghiệp và Sáng tạo của Trường thông qua nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả, thiết thực như diễn đàn, tư vấn trực tiếp, truyền thông.

Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, lãnh đạo Khoa chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm, Quản lý sinh viên, Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học, khoa và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, giảng viên, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.02].

Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.04.03].

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên khoa và trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như Halloween, FLD's got talent, Drama Contest, English Speaking Contest, English Speaking Zone, TDTT, Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cấp khoa, v.v... Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng sử dụng tiếng Anh cũng như kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nói trước công chúng, kỹ năng tương tác, làm việc nhóm, đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập

thể [H8.08.04.04]. Hằng năm, công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành Sư phạm tiếng Anh do Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa chủ trì luôn nhận được giấy khen, bằng khen của tổ chức Đoàn các cấp. Thành tích thi đua đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn [H8.08.04.05].

Trường, khoa thường xuyên tổ chức các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp cho SV [H8.08.04.06]; đồng thời tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp [H8.08.04.07]. Bên cạnh đó, khoa cũng chú trọng cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV thông qua ngày hội khởi nghiệp, ngày hội việc làm [H8.08.04.08].

Khoa SP Ngoại ngữ luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh: sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh luôn được phổ biến kịp thời cho sinh viên trong từng năm học [H8.08.04.09]. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các kế hoạch phân công cán bộ quản lý các địa bàn có HSSV và HV ngành Sư phạm tiếng Anh tạm trú [H8.08.04.10]. Kết quả công tác HSSV của Khoa được đánh giá Xuất sắc với tổng điểm đánh giá xấp xỉ trên 90 điểm.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa đều lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.11], kết quả phản hồi đạt từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa có đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, GV chủ nhiệm, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực không chỉ trong phạm vi SV khoa, trường mà cả với SV quốc tế; hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp được

triển khai hiệu quả; kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV tham gia các hoạt động NCKH còn hạn chế so với số lượng và tiềm lực của SV ngành Sư phạm tiếng Anh một phần do giảng viên chưa tận dụng triệt để việc SV làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	GV kịp thời phát hiện, động viên và gợi mở hướng nghiên cứu đề tài khoa học, tích cực khuyến khích SV có năng lực học tốt làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH hàng năm.	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức trong Nhà trường nhằm hỗ trợ người học	Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh được xem là một trong những trường đại học có cơ sở vật

chất đầy đủ, hiện đại nhất Việt Nam. Không chỉ được tận hưởng không gian học tập, nghiên cứu tốt nhất mà các sinh viên tại đây còn được trải nghiệm các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao thông qua những trang thiết bị hỗ trợ vô cùng hiện đại. Đại học Vinh có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao, v.v... đã tạo nên môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, v.v... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu.

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo qui định TCVN 3981 cho việc dạy và học [H8.08.05.01]. Hiện tại, trường có 270 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 44.224 m², 9 phòng học tiếng nước ngoài (do khoa SP Ngoại ngữ sử dụng), với tổng diện tích lên tới 1.095 m² [H8.08.05.02]. Theo đó, Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại cơ sở chính (Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202, giảng đường số 1). Từ năm 2016, Nhà trường chỉ đạo, Phòng Quản trị - Đầu tư tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo qui hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và NCKH. Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác, vì thế Nhà trường đã bố trí 1 phòng làm việc độc lập và 1 phòng tại Trung tâm Thư viện để tiện ích cho GV, SV khoa tại khu học phòng học tiếng nước ngoài; các chuyên viên được bố trí 2 người/gian, có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet. Ngoài ra có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV với tổng diện tích 35.000 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học.

Trường, khoa có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho người học; có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) và 2 ký túc xá tại cơ sở 2 với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 SV theo định mức: SV Việt Nam: 6-8 người/1 phòng. SV ngành Sư phạm được bố trí các phòng ở sạch sẽ và hợp lý. 100% SV phản ánh sự hài lòng khi được tạo điều kiện ở và sinh hoạt tại ký túc xá. Cụ thể là tiền trọ và các phí sinh hoạt khác rẻ hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập,

đi lại thuận tiện và an toàn. Khu kí túc được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.03]. Không gia học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h - 10h tối các ngày trong tuần phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV. Bên cạnh đó, khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định về tổ chức hoạt động cũng như chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Vinh [H8.08.05.04]. Điều này giúp cho việc tổ chức các hoạt động của nhà trường, của khoa và các hoạt động dành cho sinh viên được thuận lợi.

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Giai đoạn 2016-2020, 100% SV khoa SP Ngoại ngữ được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.05]. SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.06]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.07].

Hàng năm, SV ngành Sư phạm Anh thực hiện lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Đây được xem là một trong những nguồn thông tin tham khảo hữu ích nhằm thúc đẩy tinh thần tích cực giảng dạy của giảng viên, tạo tâm lý tốt nhất cho người học và cải thiện hơn nữa công tác tổ chức hoạt động của khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Số liệu thống kê cho thấy 100% SV khoa SP Ngoại ngữ hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, và khoa [H8.08.05.08].

2. Điểm mạnh

Người học có cơ hội học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh,

sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho SV chưa được khoa, trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Phổ biến đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy theo định kỳ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học.	Phòng QT & ĐT	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng cảnh quan môi trường tốt phục vụ cho người học	Phòng QT & ĐT	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
					X	

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Điểm mạnh là chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được quan tâm và cải tiến. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt

thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của khoa và Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Điểm tồn tại liên quan đến Tỷ lệ SV tham gia các hoạt động NCKH còn hạn chế so với số lượng và tiềm lực của SV ngành Sư phạm tiếng Anh một phần do giảng viên chưa tận dụng triệt để việc SV làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH của SV.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên ngành SPTA đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành SPTA.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2ha trong tổng thể quy hoạch gần 125 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường vẫn đang thực hiện chiến lược về phát triển giai đoạn 2011-2020 và đã triển khai chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.02].

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành SPTA. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung;

phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Hiện trường Đại học Vinh có 215 phòng học, trong đó 160 phòng học dùng cho đào tạo chính quy, trong đó số phòng học có đèn chiếu cố định là 138 phòng, diện tích bình quân $5.9\text{m}^2/\text{người học}$ ($115,749\text{m}^2/19.629$ người học); Cơ sở vật chất cho cán bộ giảng viên, và nhân viên cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị văn phòng hiện đại. Bên cạnh đó, phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, khoa đang sử dụng tầng 1 tòa nhà A0 của trường gồm 2 phòng làm việc, gồm 1 phòng của cán bộ quản lý, 1 văn phòng khoa. Đồng thời, Khoa được giao sử dụng 01 văn phòng tại tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào phục vụ cho công tác quản lý phòng lab, sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn của bộ môn SPTA hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành SPTA đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho sinh viên chuyên ngữ, với số lượng sinh viên 25-35 SV/ lớp. Những học phần này có yêu cầu riêng về phòng học do số lượng sinh viên chuyên ngành thường ít hơn so với các học phần chung nên các phòng học nhà A, B, D, DN được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo. Các học phần sử dụng hệ thống nghe-nói sẽ tổ chức giảng dạy và học tập tại tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.01.03].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và SV ngành SP Tiếng Anh. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng

cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, sinh viên ngành SPTA còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [H9.09.01.06].

Ngoài ra, Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Trong năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến [H9.09.01.06].

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành SPTA. Tài sản của Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.04]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [H9.09.01.05]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPTA của thư viện. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành SPTA của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm về cơ bản trên 90% mức độ đáp ứng tốt [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào

tạo và NCKH ngành SPTA.

- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành SPTA, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

- Ngành SPTA chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

- Nhà trường chưa bố trí được 01 phòng tập giảng cho sinh viên ngành SPTA

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng tập giảng cho GV, SV ngành SPTA nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng.	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
					X	

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đại học Vinh, để tỏ lòng tri ân cố Giáo sư Nhà Giáo Nhân dân Nguyễn Thúc Hào - vị Hiệu trưởng đầu tiên của Trường (1959-1973), Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Trung tâm Thông tin - Thư viện là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m², sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1 [H9.09.02.01].

Các hoạt động tại Thư viện của Nhà trường đều đã được thể chế hóa bằng các quy định cụ thể [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán

bộ, giảng viên và người học ngành SPTA nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [H9.09.02.04]. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành SPTA nói riêng và khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói chung. Tính đến tháng 03/2020, về tài liệu truyền thống, thư viện có 14.466 tên tài liệu với 160.559 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành SPTA được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành SPTA [H9.09.02.06]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07]. Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong DCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.08]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [H9.09.02.9].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [H9.09.02.11]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành SPTA cho thấy giảng viên và sinh viên ngành SPTA nói riêng và sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm cho thấy có hơn 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện.

2. Điểm mạnh

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

3. Điểm tồn tại

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, SV ngành SPTA chưa đa dạng và cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn	Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật,	Trung tâm TTTV Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

	tại	bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.			
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo. - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất.	Trung tâm TTTV Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01]. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THTN có 86 phòng thực hành thí nghiệm

được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THPTN/người học là $4,48\text{m}^2/\text{người}$ ($34.382\text{m}^2/7.667$ người học) [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của ngành SPTA. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần. Để trang bị thêm các kỹ năng mềm và các học phần chuyên ngành cho sinh viên ngành SPTA, Nhà trường đã cho phép GV và SV khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói chung và ngành SPTA nói riêng được khai thác hệ thống phòng đọc và các phòng Lab tại tầng 2 Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào. [H9.09.03.03].

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THPTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm THPTN còn được công khai trên Website của đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường. Trung tâm THPTN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ THPTN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm THPTN có 4 tổ chuyên môn với 39 cán bộ phụ trách, trong đó có 34 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPTN. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi

phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPTN, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy các giảng viên, người học ngành SPTA cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học máy tính của Nhà trường. Các kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời cho công tác đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên ngành SPTA.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính tại các phòng Lab được trang bị từ nguồn tài trợ của Đề án Ngoại ngữ đã cũ, ảnh hưởng đến việc dạy và học của GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế	Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT.	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm	Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT Trung tâm THPTN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Đội ngũ cán bộ của Trung tâm là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành SPTA nói riêng và cán bộ toàn trường

nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng dịch covid 19 nên Nhà trường còn áp dụng thêm phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường Đại học Vinh quản lý việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhằm đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT ngày càng cao của người học và cán bộ, Trường đại học Vinh không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trang thiết bị CNTT cũng như hệ thống phần mềm qua từng năm học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp cấu hình hệ thống mạng máy tính cũng như bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường [H9.09.04.06].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với môi trường CNTT, qua đó có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên. Kết quả khảo

sát cho thấy, người học, giảng viên và các bên liên quan đều cho rằng hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.
- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm. - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh rất chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người học và cán bộ của Nhà trường. Điểm ghi nhận đầu tiên là ở công tác thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học [H9.09.05.01]. Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Nhà trường còn ban hành các văn bản riêng áp dụng theo đặc thù của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt

động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m² và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hằng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Bên cạnh đó, nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên ngành SPTA nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Sinh viên ngành SPTA được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.04].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có đơn vị cung cấp vệ sỹ chuyên nghiệp thường trực 24/24 giờ làm nhiệm vụ bảo vệ tại tất cả các cổng vào ra. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt quy định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các

điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà trường có Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVN và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Giảng viên, người học hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và SV ngành SPTA nói riêng và toàn trường nói chung.

3. Điểm tồn tại

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục	Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức	Trạm y tế	Hàng năm	Hàng năm

	điểm tồn tại	khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe.	Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành SPTA, bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành Sư phạm Tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng.

Điểm tồn tại đó là hệ thống học liệu ngoại ngữ phục vụ cho việc tham khảo, nghiên cứu ngoài chương trình chưa phong phú; một số máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và các phòng thực hành giảng dạy cho sinh viên sư phạm.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo sinh viên đạt được CDR ngành Sư phạm tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm xây dựng CTĐT dựa trên CDR đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đào tạo, Nhà trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng CTĐT theo qui trình, đáp ứng CDR đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [H10.10.01.01].

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và năng lực cho từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến

thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước quy định [H10.10.01.02]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan, thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy trong quá trình xây dựng CTDH đã được nhà trường tổ chức thực hiện, giao cho Phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý [H10.10.01.03]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.03].

Là một trong 10 đơn vị thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thiết lập được mạng lưới chuyên gia, cán bộ quản lý, giáo viên tiếng Anh phổ thông. Thông qua các buổi làm việc với các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh như Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã trao đổi về nhu cầu nhân lực giáo viên tiếng Anh phổ thông cũng như các yêu cầu đối với sinh viên khi tốt nghiệp để phục vụ công tác giảng dạy và học tập tiếng Anh tại các tỉnh Bắc Trung Bộ. Thông qua các đợt bồi dưỡng, tập huấn mà đơn vị tổ chức trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ quốc gia, ngành SPTA trực tiếp thu thập ý kiến đóng góp phản hồi bằng phiếu khảo sát hoặc bằng các hình thức góp ý trực tiếp. Hằng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức các đợt kiểm tra thực tập của sinh viên cuối khóa tại các trường Phổ thông. Các GV của Bộ môn và Khoa SPNN đều tham gia đánh giá giờ dạy và trao đổi chuyên môn với GV phổ thông được giao nhiệm vụ hướng dẫn giáo sinh và Tổ chuyên môn của trường; qua đó nhận được các phản hồi, đóng góp của các cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà sử dụng lao động về CTĐT, CTDH cũng như năng lực của các giáo sinh. Đối với sinh viên ngành SPTA đang học tập tại trường, thông qua bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi về chất lượng giảng dạy học phần, cụ thể như phương pháp giảng dạy, năng lực GV, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học phần, vv. Đối với cựu người học, Nhà trường có hệ thống mạng lưới cựu sinh viên của các khoa/viện đào tạo. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ phối hợp với Trung tâm HTSV & QHDN của nhà trường định kỳ tiến hành kết nối, khảo sát cựu người học qua kênh liên lạc của cựu SV, hệ thống email, facebook và điện thoại [H10.10.01.04].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử

dụng để thiết kế, phát triển CTDH ngành SPTA. Trên cơ sở thông tin thu thập được, Nhà trường chuyển cho các Khoa/ Bộ môn đến từng giảng viên phụ trách học phần để làm căn cứ rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTDH của ngành. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và năng lực giảng dạy của giảng viên cũng như điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của nhà trường trong việc hỗ trợ CTĐT ngành SPTA. Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTDH được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2013 - 2017, CTDH ngành SPTA đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2013, 2016, 2017). Lần điều chỉnh năm 2013 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên bằng việc đưa 2 học phần chuyên ngành làm học phần thay thế tốt nghiệp được thực hiện từ khóa đào tạo 52. Lần điều chỉnh năm 2016 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành được thực hiện từ khóa đào tạo 57. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng Khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58. Với việc giảm tổng số tín chỉ và số học phần của CTĐT từ 132 tín chỉ, 48 học phần xuống còn 125 tín chỉ, 36 học phần, một số học phần được điều chỉnh, cắt giảm ra khỏi CTĐT. Cụ thể, bổ sung học phần *Nhập môn ngành Sư phạm*, tích hợp các học phần *Nghe - Nói, Đọc - Viết* từ 6 học kỳ thành 3 học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1, 2, 3*; tập trung phát triển kỹ năng chuyên biệt nghe, nói, đọc, viết từ học kỳ 4; Học phần *Ngữ pháp 1, 2* với tổng số 6 tín chỉ nhập thành một học phần *Ngữ pháp*, v.v.. Trên cơ sở nhận được phản hồi từ các Sở giáo dục và đào tạo trong việc tăng nhu cầu tuyển dụng giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học, Hội đồng Khoa đã bổ sung học phần liên quan đến *Giảng dạy tiếng Anh tiểu học* vào trong CTĐT. Việc tham vấn các bên liên quan về CTĐT đã giúp Hội đồng Khoa và các bộ môn có cơ sở để điều chỉnh CTĐT theo hướng tinh gọn, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo CĐR của CTĐT; đồng thời, xây dựng được CTDH phù hợp với mục tiêu và CĐR đã công bố. [H10.10.01.05].

2. Điểm mạnh

- Khoa và nhà trường có hệ thống thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan như đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp.

- Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù đã có mạng lưới kết nối với các trường phổ thông trong việc đào tạo sinh viên ngành SPTA. Tuy nhiên, cần mở rộng địa bàn và tăng số lượng các trường phổ thông để việc tham vấn và lấy thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo và căn cứ để phát triển CTDH đạt hiệu quả tốt hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Mở rộng kết nối với các Sở giáo dục và đào tạo, các chuyên viên phụ trách tiếng Anh tại các Sở, giáo viên tiếng Anh phổ thông cốt cán để trao đổi chuyên môn và tham vấn Chương trình	Nhà trường Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực và tham vấn các bên liên quan để có cơ sở thiết kế, phát triển CTDH	Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				x		

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTDH trình độ đại học ngành SPTA được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Căn cứ các hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTDH và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.02.01], Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tiến hành xây dựng CTDH, điều chỉnh và cải tiến theo từng khóa học. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh với các trường ĐH trong nước. CTDH của khóa học 53 (tuyển sinh năm 2013) áp dụng theo Quyết định 2224/QĐ-ĐHV năm 2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh; khóa học 54, 55 áp dụng theo Quyết định 3242/QĐ-ĐHV năm 2014; khóa học 56 áp dụng theo Quyết định 3357/QĐ-ĐHV năm 2015; khóa học 57 áp dụng theo Quyết định 1002/QĐ-ĐHV năm 2016; khóa học 58 áp dụng theo Quyết định 747/QĐ-ĐHV năm 2017. [H10.10.02.02].

Căn cứ vào CDR của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được phê duyệt, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ kết hợp với Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo tiến hành đánh giá việc biên soạn đề cương các học phần, bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng CDR đã công bố. Theo quy định, giảng viên và Bộ môn phụ trách xây dựng CTDH và DCCT theo hướng dẫn; Hội đồng Khoa học đào tạo của khoa hợp và thông qua CTDH, DCCT các học phần. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTDH của các khóa. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên, giảng viên nhằm có thông tin phản hồi, phục vụ cho việc thường xuyên cải tiến CTDH, đáp ứng CDR đã công bố và nâng cao trách nhiệm giải trình với xã hội về sản phẩm đào tạo của Khoa. [H10.10.02.03].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Sư phạm Ngoại ngữ thành lập nhóm chuyên gia về điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của trường Đại học Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến CTDH, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo khoa thảo luận và thống nhất [H10.10.02.04]. Các nội dung cải tiến trong CTDH dự thảo được gửi đến GV, các NCV, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản

biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H10.10.02.05]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản đề trường Đại học Vinh thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH ngành SPTA áp dụng cho từng khóa học.

Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Nhà trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, CTDH; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, khoa Sư phạm Ngoại ngữ và Bộ môn Phương pháp giảng dạy đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.02.06]. Đây cũng chính là thực hiện việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của khoa Sư phạm Ngoại ngữ, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành SPTA quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển CTDH. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTDH có sự đổi mới, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng với CĐR của CTĐT, phù hợp với từng giai đoạn.

- Khoa và Bộ môn tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH; đồng thời điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chưa có sự tham vấn của chuyên gia nước ngoài trong việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tham vấn chuyên gia nước ngoài trong việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH	Nhà trường Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm

2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu Sv và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CDR của CTĐT ngành SPTA.	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm
----	--------------------	---	----------------------	----------	----------

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐ, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Thứ nhất, Nhà trường có quy định cụ thể về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập gồm các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học Theo đó, trung tâm ĐBCL là đơn vị quản lý nhập điểm và dữ liệu kết quả điểm của sinh viên, học viên trên hệ thống phần mềm quản lý điểm, phòng Đào tạo có trách nhiệm xử lý kết quả do trung tâm ĐBCL cung cấp và các khoa chuyên ngành chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên, học viên thuộc khoa quản lý. [H10.10.03.01].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra,

đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ, điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức Test online. Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Sư phạm tiếng Anh, khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.02] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.03]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi học phần và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Kết quả học tập của người học được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [H10.10.03.04].

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu học phần và CĐR. Các học phần đều được phân nhiệm CĐR của CTĐT. Do đó, GV bám sát vào CĐR của CTĐT phân nhiệm cho học phần, CĐR của học phần để đề xuất hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp. Các GV phụ trách học phần có nhiệm vụ xây dựng bản đặc tả ma trận đề thi/ câu hỏi thi bám sát các mục tiêu học phần. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học ở mức độ nhận thức bậc thấp, đó là Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng) (Theo Thang năng lực nhận

thức của Bloom; đánh giá cuối kỳ tập trung đánh giá năng lực của người học trên cả 5 mức: Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo. Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát CDR của học phần [H10.10.03.04].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm ĐBCL gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần bổ sung câu hỏi và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận). Trong thời gian quy định, các GV phụ trách học phần nộp lại bộ đề thi bổ sung, chỉnh sửa cho Trưởng Bộ môn. Khi đã có đủ số lượng câu hỏi thi trong ngân hàng đề thi, Trung tâm ĐBCL tổ chức thi cho SV. Nội dung ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Theo quy định, GV phụ trách học phần phải hoàn thành điểm chuyên cần, giữa kỳ và chuyển cho bộ phận văn phòng vào điểm.

Thứ hai, Nhà trường, Khoa và bộ môn thường xuyên triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Căn cứ vào kế hoạch của năm học của đơn vị đã được phê duyệt, trong đó có kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra mà Khoa, Bộ môn và GV đã đăng ký, Nhà trường thực hiện rà soát DCCT học phần môn học, tiến hành dự giờ thao giảng của GV, thanh tra công tác dạy-học của các bộ môn theo kế hoạch, vv. Mỗi học kỳ, Khoa và các bộ môn đều tham gia dự giờ các GV để đánh giá, trao đổi, rút kinh nghiệm hoạt động dạy học đáp ứng CDR của CTĐT. Đặc biệt vào những tháng cao điểm rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm, các GV trẻ đăng ký tham gia Hội thi GV trẻ dạy giỏi cấp khoa, cấp trường. Trong hai lần tổ chức thi cấp trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đều có GV đạt giải Nhất. Song song với việc thăm lớp dự giờ, Nhà trường và Khoa cũng phối hợp trong việc giám sát, kiểm tra hoạt động dạy học của GV và người học theo chương trình kế hoạch cũng như đột xuất. Đối với các GV trẻ, GV tập sự hoặc GV được giao nhiệm vụ giảng dạy học phần mới, Khoa khuyến khích GV tham dự dự giờ các GV khác trong Khoa và bộ môn để học hỏi, rút kinh nghiệm về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.05].

Từ năm học 2016-2017, để đảm bảo chất lượng của các kỳ thi cũng như đáp ứng với quy định về CDR theo CTĐT tiếp cận CDIO, trung tâm ĐBCL không chỉ là giữ vai trò quản lý điểm mà sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, còn làm nhiệm vụ thống kê dữ liệu kết quả thi, kiểm tra của từng học phần và gửi thông tin liên quan đến các Bộ môn quản lý học phần. Trên cơ sở đó, Bộ môn và từng GV rà soát, đối sánh với CDR của học phần và CTĐT nhằm điều chỉnh quá trình dạy học. [H10.10.03.06]. Ngoài ra, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar trao đổi về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng CTCT-HSSV của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Anh đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy, nhìn chung chất lượng giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành SPTA được sinh viên đánh giá cao. [H10.10.03.07].

2. Điểm mạnh

- Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn.

- Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Thông tin phản hồi của TT ĐBCL về các dữ liệu điểm thi đang hạn chế, mới chỉ dừng lại ở thống kê mô tả phổ điểm sinh viên đạt được ở từng học phần, chưa đưa ra được các khuyến nghị cho Bộ môn/ GV trong việc điều chỉnh quá trình dạy-học và kiểm tra đánh giá để đáp ứng CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn

					thành
1.	Khắc phục tồn tại	TT ĐBCL cần phân tích dữ liệu điểm thi của từng học phần, từ đó, đưa ra được một số khuyến nghị cho Bộ môn/ GV trong việc điều chỉnh quá trình dạy-học và kiểm tra đánh giá để đáp ứng CDR của CTĐT.	Trung tâm ĐBCCL Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thăm lớp, dự giờ, giám sát hoạt động dạy - học của GV. Rà soát các hình thức thi, kiểm tra đánh giá để điều chỉnh cho phù hợp với CDR của CTĐT.	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy - học, Trường Đại học Vinh ban hành chiến lược NCKH và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường, trong đó nhấn mạnh đến các đề tài NCKH thuộc lĩnh vực giáo dục, liên quan đến việc dạy và học [H10.10.04.01]. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo, Nhà trường và khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã có các quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của giảng viên và SV. [H10.10.04.02]. Số liệu thống kê (giai đoạn 2015-2020), Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã có hơn 100 bài báo, công bố NCKH thuộc lĩnh vực giáo dục. [H10.10.04.03]. Đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, Nhà trường đã ban hành danh mục các Đề tài NCKH trọng điểm cấp trường, trong đó ưu tiên tập trung cho các đề tài

gắn liền với việc rà soát, xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO của các ngành; các đề tài liên quan đến Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá các học phần. Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tiến hành thực hiện 11 đề tài NCKH trọng điểm cấp trường liên quan đến việc dạy và học ngành SPTA. [H10.10.04.04].

Bảng 10.2: Một số đề tài trọng điểm cấp trường được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập ngành SPTA năm 2016-2020

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ nhiệm đề tài
1	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh tiếp cận CDIO	2016	ThS. Hoàng Tăng Đức
2	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ năng Tổng hợp tiếng Anh 2 tiếp cận CDIO	2017	PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến
3	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ năng Tổng hợp tiếng Anh 2 tiếp cận CDIO	2017	ThS. Trần Thị Khánh Tùng
4	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ năng Tổng hợp tiếng Anh 3 tiếp cận CDIO	2017	ThS. Hoàng Tăng Đức
5	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức <i>Văn hóa-văn học</i> tiếp cận CDIO	2017	TS. Nguyễn Hữu Quyết
6	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức Lý luận ngôn ngữ tiếp cận CDIO	2017	PGS. TS. Lê Đình Tường
7	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá khối kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận CDIO	2017	PGS. TS. Ngô Đình Phương
8	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ năng Đọc-Viết tiếng Anh tiếp cận CDIO	2018	ThS. Trần Thị Khánh Tùng
9	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Kỹ	2018	ThS. Hoàng Tăng Đức

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ nhiệm đề tài
	năng Nghe-nói tiếng Anh tiếp cận CDIO		
10	Nghiên cứu Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học khối kiến thức Phương pháp giảng dạy tiếng Anh tiếp cận CDIO	2019	PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến
11	Nghiên cứu rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh theo tiếp cận CDIO	2020	Hoàng Tăng Đức

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của giảng viên và người học trong toàn trường [H10.10.04.05]. Hằng năm, giảng viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm. Năm 2020, Ngày hội Sinh viên NCKH của Khoa cũng là sân chơi để các em trải nghiệm nghiên cứu các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác học tập của mình. Bên cạnh đó, Khoa đã thành lập 02 nhóm nghiên cứu mạnh của Khoa, liên quan đến Phương pháp giảng dạy và Ngôn ngữ học tri nhận. Nhiệm vụ của hai nhóm nghiên cứu là tăng cường hoạt động và công bố NCKH liên quan đến lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, phục vụ trực tiếp cho CTĐT ngành SPTA. Đặc biệt, trong hai năm liên tiếp (2018, 2019) Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tổ chức hội thảo quốc tế VinhTESOL với chủ đề *English language Education in EFL context (2018)* thu hút được đông đảo giảng viên, giáo viên phổ thông, học viên, sinh viên ngành SPTA trong và ngoài nước tham gia. Trong đó, GV, học viên, sinh viên ngành SPTA được tham gia với tư cách là các báo cáo viên trình bày tại hội thảo, người tham dự, tình nguyện viên..Tiếp nối thành công, năm 2019, Khoa tổ chức Hội thảo VinhTESOL lần thứ 2 với quy mô nhỏ hơn, nhưng cũng tạo điều kiện cho GV, học viên, sinh viên ngành SPTA có cơ hội được giao lưu, học hỏi, với những giảng viên, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm tích lũy kiến thức phục vụ cho công tác dạy-học, nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTA, đáp ứng CĐR của CTĐT. [H10.10.04.06]. Năm 2021, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, trường Đại học Vinh là chủ nhà của Hội thảo VietTESOL với chủ đề *Giảng dạy tiếng Anh trong*

đại dịch Covid-19. Các đề tài và hoạt động NCKH liên quan đến việc dạy và học đã được Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chú trọng và phát huy. [H10.10.04.07].

Các kết quả NCKH của đội ngũ GV Khoa SPNN được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH ngành SPTA. Các đề tài NCKH trọng điểm cấp trường được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, của Trường. Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Một số CTDH học phần đã được xây dựng từ các kết quả của đề tài NCKH như học phần *Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh*, *Kiểm tra đánh giá ngôn ngữ*, *Phương pháp NCKH bộ môn tiếng Anh*, *Kỹ thuật và Thực hành PPGD tiếng Anh*, *PPGD tiếng Anh tiểu học*, *Xây dựng chương trình và phát triển học liệu*. [H10.10.04.08]. Ngoài ra, nhiều đề tài nghiên cứu của các GV sau khi được công bố trên các tạp chí khoa học đã được đầu tư thêm thời gian để chuyển thành những bản thảo giáo trình phục vụ thiết thực cho việc giảng dạy những môn chuyên ngành như giáo trình “*Ngôn ngữ học đối chiếu: Phương pháp và thủ pháp cơ bản*”, “*Phương pháp dạy học và thực hành phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh*”, “*Độc cơ sở 1*”, vv [H10.10.04.09].

Bên cạnh đó, từ khi trường Đại học Vinh triển khai chương trình dạy học tiếp cận CDIO cho sinh viên, cán bộ giảng viên khoa Sư phạm ngoại ngữ đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Những chương trình đào tạo này đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy cho sinh viên ngành Sư phạm Anh.

2. Điểm mạnh

- Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã quan tâm, có cơ chế đặt hàng và khuyến khích GV tham gia thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến lĩnh vực giáo dục, liên quan đến việc dạy và học tiếng Anh, góp phần phục vụ CTĐT ngành SPTA của đơn vị.

- Kết quả NCKH của GV và SV được áp dụng, triển khai trong CTDH ngành SPTA và được dùng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học của người học.

3. Điểm tồn tại

GV ngành SPTA chưa có những đề tài khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy - học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Kế hoạch phát triển KHCN của Khoa cần chú trọng đến các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, các đề tài liên quan đến thực tiễn công tác đào tạo ngành SPTA	Phòng KH & HTQT Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn dạy-học của ngành SPTA.	Phòng KH & HTQT Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương

tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học là Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào; Trung tâm Dịch vụ; Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin; Bộ phận một cửa. [H10.10.05.01]. Dựa trên quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh được thực hiện theo Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. [H10.10.05.02].

Hàng năm, vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng CTCT HSSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa/ Viện về hoạt động giảng dạy của GV, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.5.03]. 100% các học phần trong CTĐT đều được lấy ý kiến. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về các dịch vụ tiện ích phục vụ cho việc học [H10.10.5.04]. Đồng thời, định kỳ Nhà trường thành lập các tổ công tác kiểm kê phân loại, đánh giá tài sản, trang thiết bị [H10.10.05.05]. Cũng trong hoạt động đánh giá, từ năm học 2015-2016, Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. [H10.10.05.07].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học, Nhà trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể, cải tiến đối với cơ sở vật chất nhằm nâng cao các dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho hoạt động dạy và học. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ trong năm hoặc phòng Quản trị-Đầu tư sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị cũ và lập dự toán mua sắm các trang thiết bị mới kịp thời khi có sự đề nghị từ phía các Khoa Viện và có báo cáo kiểm kê tài sản hàng năm [H10.10.05.06]. Hàng năm, Thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên. Nhằm cải tiến chất lượng, nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb. Trung tâm Thông tin - Thư viện đã thực hiện tham gia Liên hiệp thư viện, liên kết mua quyền

truy cập sử dụng CSDL PROQUEST CENTRAL và liên kết khai thác CSDL điện tử với Trung tâm TTTV Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Học liệu trường Đại học Cần Thơ phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cán bộ, giáo viên, học viên cao học và HSSV trường Đại học Vinh. [H10.10.05.08]. Đối với hệ thống công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lí. Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H10.10.5.09]. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CMC để đảm bảo tính chính xác trong quản lý thông tin cá nhân trong quá trình học tập cũng như đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Việc nâng cấp, bảo trì và ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện nâng cấp thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Trong tháng 7/2021 nhà trường đã phối hợp với Microsoft Việt Nam cung cấp và triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education nhằm cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học [H10.10.5.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, thường xuyên lắng nghe phản ánh của GV và SV về cơ sở vật chất của trường và cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể

kip thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đề nghị Nhà trường bố trí góc đọc/ không gian Anh ngữ riêng cho SV ngành; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường (Đại sứ quán Hoa Kỳ, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia) để hỗ trợ kinh phí thành lập thư viện/ không gian Anh ngữ riêng cho khoa	Phòng QT & ĐT Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích sinh viên truy cập vào thư viện của Trường để cập nhật tài liệu tham khảo, học liệu điện tử	Trung tâm TT-TV Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường... Từ năm 2014 trở về trước, Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ cơ bản thực hiện lấy ý kiến cán bộ viên chức thông qua “Hội nghị công chức, viên chức” cấp trường và cấp khoa và lấy ý kiến phản hồi của người học thông qua “Hội nghị dân chủ sinh viên”. Từ năm 2015 trở đi, Nhà trường và Khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị dân chủ sinh viên”, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên”, “Hội nghị cán bộ trẻ” và “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, v.v.. Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng năm Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn cơ, hiệu quả [H10.10.06.01].

Nhà trường quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Theo quy định, Phòng CTCTHSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Quy trình và các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được Trường Đại học Vinh ban hành với những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tới các bộ phận cũng như các đối tượng khảo sát. Nội dung lấy ý kiến phản hồi bao quát được các hoạt động của Nhà Trường, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với giảng viên, giáo viên; đối với cán bộ, viên chức hành chính; đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường. [H10.10.06.02].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức thực hành Rèn luyện NVSP thường xuyên, Thực tập sư phạm cho SV của Ngành. Bộ môn Phương pháp giảng dạy lập kế

hoạch, triển khai thực hiện hoạt động rèn luyện, thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của SV tại các cơ sở. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.03].

Thông tin được Nhà Trường thu thập từ nhiều hình thức và đa dạng. Việc đa dạng hoá hình thức thu thập (đối thoại trực tiếp, khảo sát trực tuyến dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC, gửi phiếu điều tra bản cứng, trao đổi nhóm, phản hồi online từ trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa) đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng, khách quan, thiết thực và toàn diện [H10.10.06.04]. Dựa trên kế hoạch đã đề ra, Nhà trường thông báo chính thức tới các đơn vị liên quan, hướng dẫn cụ thể đến các đối tượng khảo sát và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.06.05].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, phòng CT CTHSSV tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng CT CTHSSV, khoa SPNN) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.06.06]. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, khoa SPNN phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH [H10.10.06.07].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa

được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	quy định rõ ràng về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người được khảo sát, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các mẫu phản hồi và mở rộng đối tượng khảo sát (nhà quản lý giáo dục, cựu người học); kiến nghị Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp đánh giá, phân tích và xác thực thông tin phản hồi từ kênh chưa chính thống.	Trung tâm HTSV-QHDN Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch.	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Anh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học tiếng, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Điểm tồn tại là việc góp ý của các bên liên quan đôi chỗ còn chưa thực chất, chưa có giá trị phản hồi nhiều cho công tác đảm bảo chất lượng.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 6/6 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Miền Trung. Ngành Sư phạm Anh là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh chất lượng đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hàng năm Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Anh, tập trung nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu khoa học của Trường, Khoa và ngành học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Công tác CT HSSV và đội ngũ Quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của người học. Hàng năm tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành SPTA được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.01.01].

Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp

thời lên BCN Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.01.02]. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành SPTA được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.01.03]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.04] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT

<i>Năm học</i>	<i>Số lượng SV toàn khóa</i>	<i>Số lượng SV hoàn thành CTĐT</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
2015-2016	48	43	89,58
2016-2017	84	72	85,71
2017-2018	86	78	90,70
2018-2019	76	70	92,11
2019-2020	58	47	81,03

Bảng 11.2. Tỷ lệ SV thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % người học thôi học trong thời gian			
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo
2015-2016	48	0	0	2,08	0
2016-2017	84	3,57	0	0	0
2017-2018	86	1,16	2,32	0	0
2018-2019	76	2,63	0	0	0
2019-2020	58	0	0	0	0

Như vậy, theo thống kê, tỷ lệ SV tốt nghiệp cao và ổn định. *Bảng 11.1* cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp toàn khóa của ngành SPTA tính đến hết thời gian học tối đa (6 năm) đạt trên 80% (các khóa 59, 58 mới bước sang năm thứ 5, thứ 6). Trong giai đoạn 2015 - 2020, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) các khóa đạt bình quân khoảng 87,8%. *Bảng 11.2* cho thấy tỷ lệ SV thôi học bình quân rất thấp: nhiều năm không có SV thôi học, năm cao nhất chiếm 3,57% [H11.11.01.05]. Đối với những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kỳ để Khoa và Nhà trường nắm rõ lí do và hướng giải quyết. Khoa cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực [H11.11.01.06-7]. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành SPTA bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Đối sánh tỷ lệ thôi học của ngành SPTA với các ngành khác chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chỉ đạo các Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Khoa cũng tiến hành đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo. Khoa sẽ tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học của ngành SPTA với các ngành khác trong trường và các trường ĐH khác trong khu vực	Trung tâm HTSV-QHDN Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch.	Nhà trường Khoa SPNN	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2008, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.01]. Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.02]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 81,03 - 92,11% SV ngành SPTA hoàn thành chương trình đúng thời hạn và được cấp bằng cử nhân sư phạm SPTA.

Bảng 11.3. Thời hạn SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % người học thôi học trong thời gian			
		3 năm	4 năm	Trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo
2015-2016	48		89,58		0	0	2,08	0
2016-2017	84		85,71		3,57	0	0	0
2017-2018	86		90,70		1,16	2,32	0	0
2018-2019	76		92,11		2,63	0	0	0
2019-2020	58		81,03		0	0	0	0

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành SPTA hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo. BCN khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ phần trăm SV của ngành SPTA hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, đều ở mức từ 80% trở lên. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

2. Điểm mạnh

Khoa thường xuyên cập nhật tiến trình học tập của sinh viên để đảm bảo thời gian tốt nghiệp của người học, hoạt động học tập được giám sát.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ B1), do vậy vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa thực hiện kế hoạch phối hợp với phòng Đào tạo tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học lại đối với những SV	Phòng ĐT Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm

		chưa đạt.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các điểm mạnh	Phòng ĐT Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm (HTSV&QHĐN), là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường Đại học Vinh với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H11.11.03.02]; có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho trợ lý quản lý SV duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho BCN Khoa/Viện để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ [H11.11.03.03].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường năm 2015 cho thấy, SV ngành SPTA có việc làm với tỷ lệ 92,8% và năm 2017

là 69,7% [H11.11.03.04]. Môi trường làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.4. Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp ngành SPTA

Môi trường làm việc của SVTN	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Công lập	31	31	30	3	16
Tư nhân	4	2	44	52	50
Liên doanh nước ngoài	4	5	0	8	2
Tự tạo việc làm	1	0	2	7	4

SV tốt nghiệp ngành SPTA làm việc chủ yếu ở môi trường giáo dục, trong đó số SV làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ cao. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh.

2. Điểm mạnh

SV tốt nghiệp ngành SPTA đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; khoa đã có những hình thức giám sát và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng

3. Điểm tồn tại

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng đang còn ít đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn	Khoa và Trường lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh đã tốt nghiệp ở các	Trung tâm HTSV-QHDN	10.2021	Hàng năm

	tại	khóa; liên kết với các doanh nghiệp địa phương để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.	Khoa SPNN		
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các điểm mạnh	Trung tâm HTSV-QHDN Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của trường Đại học Vinh, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với một lực lượng cán bộ giảng dạy với trình độ chuyên môn cao, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ là đơn vị tham gia tích cực các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác của Trường. Không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy của Khoa còn tham gia nghiên cứu khoa học với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và hội thảo quốc tế.

Bên cạnh đó, các cán bộ của Khoa còn chủ trì hoặc tham gia viết các giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp bộ. [H11.11.04.01]. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, học viên, SV trong Khoa và các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Bảng 11.4.1. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	2015	2016	2017	2018	2019
(1)	(2)	(6)	(7)	(8)		
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	1	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	3	3	9	2	1
4	Tổng	3	4	9	2	1

Bảng 11.4.2. Thống kê số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	5	64	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	4	
Trên 6 đề tài	0	0	5	
Tổng số cán bộ tham gia	0	5	64	

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH theo mô hình của trường đại học nghiên cứu, SV ngành Sư phạm tiếng Anh được khuyến khích tham gia NCKH ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong Khoa. Dưới sự chỉ đạo của Nhà trường [H11.11.04.02-03], theo định kỳ hàng năm, Khoa tổ chức “Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học” để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường và cấp Bộ [H11.11.04.04]. Một số đề tài được chọn này đã đạt được thành tích cao.

Số lượng sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh tham gia nghiên cứu khoa học ngày càng tăng lên theo từng năm.

Bảng 11.4.3. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	12/48	6/84	10/86	15/76	20/58

Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	25%	7,1%	11,62%	19,7%	34%
----------------------------------	-----	------	--------	-------	-----

Bảng 11.4.4. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	1	
Tổng số người học tham gia	0	2	9	

Bảng 11.4.5. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của sinh viên được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	2016	2017	2018	2019	2020
(1)	(2)	(6)	(7)	(8)		
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	1	4	3	4	5
4	Tổng	2	4	3	4	5

2. Điểm mạnh

- Một số giảng viên trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH.

- Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Nhiều đề tài của SV ngành Sư phạm tiếng Anh tập trung nghiên cứu về ngôn ngữ học và PPGD tiếng Anh.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV ngành Sư phạm tiếng Anh tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.	Phòng KH&HTQT Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các điểm mạnh	Phòng KH&HTQT Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				x		

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà Trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tổ chức Hội nghị cán bộ,

viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có khoa sư phạm Ngoại ngữ kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.02]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2017, Nhà trường thành lập ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công năm 2017-2018 tại trường Đại học Vinh [H11.11.05.03].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Quản lý sinh viên khoa [H11.11.05.04] để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới người học về sự cải tiến.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học (Alumni Network) nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Ngoài ra, Trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. [H11.11.05.06]. Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề

ng nghiệp của cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Tuy nhiên nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

Bảng 11.5.1. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây

	2015	2016	2017	2018	2019
1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	31/40 (77,50%)	30/36 (83,33%)	65/76 (85,52%)	60/70 (85,71%)	53/62 (85,48%)
2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	6/40 (15,00%)	4/36 (11,11%)	9/76 (11,84%)	9/70 (12,85%)	8/62 (12,9%)
3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	3/40 (7,5%)	2/36 (5,5%)	2/76 (2,6%)	1/70 (1,4%)	1/62 (1,6%)

2. Điểm mạnh

CTĐT và CĐR của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành còn gặp nhiều khó khăn. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên

quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa SPNN phối hợp với Nhà trường, đặc biệt là Trung tâm ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.	Trung tâm ĐBCL Khoa SPNN	10.2021	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy các điểm mạnh	Nhà trường Khoa SPNN	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Điểm mạnh là Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ người học đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Những

năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV được quan tâm và thực hiện thường xuyên.

Điểm tồn tại là mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPTA tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5/5 tiêu chí đạt.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Ngành Sư phạm tiếng Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo. Đây là hoạt động được Nhà trường triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong Trường nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng. Để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường đại học trọng điểm, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á thì việc đánh giá các chương trình là tất yếu, trong đó có ngành Sư phạm tiếng Anh nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Mục tiêu CTĐT của ngành Sư phạm tiếng Anh được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CDR của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả người học được xác định rõ ràng bởi các (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CDR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CDR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của người học sau khi tốt nghiệp. CDR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản

mô tả CTĐT ngành SPTA cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Các học phần trong CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CDR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của nhà trường.

- Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên cũng như việc kiến tập, thực tập tại các trường phổ thông. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đưa ra đã tạo động lực cho SV Sư phạm tiếng Anh rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành Sư phạm tiếng Anh đảm bảo tính phù hợp với CDR của học phần cũng như CDR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có

những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CDR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu

đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành Sư phạm tiếng Anh được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa.

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành Sư phạm tiếng Anh hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng tự học cho SV ngành Sư phạm tiếng Anh, có trường thực hành sư phạm trong trường để SV thăm lớp dự giờ, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành SPTA.

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Anh đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo

dối tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh nói riêng và toàn trường nói chung.

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên. Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Khoa Sư phạm ngoại ngữ chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Khoa Sư phạm ngoại ngữ có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong

khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành SPTA. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ công tác giảng dạy tiếng Anh; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

- Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của Ngành.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho chương trình đào tạo.

- Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ năm học 2016-2017 nên vẫn còn có sự chòng chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CDR. Có môn học phục vụ quá nhiều CDR và cũng còn một số CDR có ít môn

học đảm nhiệm. Môn chuyên ngành được giảng dạy còn ít ở 3 học kỳ đầu tiên.

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan. Sinh viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

- Việc cho sinh viên có môi trường tiếp xúc với thực tế các cơ sở giáo dục thời gian còn ngắn và chủ yếu là giai đoạn gần cuối của khóa học; Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

- Việc thông báo kết quả học tập của người học đến gia đình vào cuối mỗi năm học chưa thực sự phát huy được hiệu quả của việc cung cấp kết quả học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh chóng.

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế, số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

- Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác

- Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, PP tuyển chọn

người học, trong đó có người học của CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

- Do cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên ngành SPTA trong thời điểm hiện tại là cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh nên Khoa và Bộ môn chưa quá chú trọng công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

- Cần có thêm nhiều phòng tự học ở các giảng đường cho sinh viên. Ngành SPTA chưa có phòng sinh hoạt riêng, phòng semina số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của sinh viên, giảng viên ngành Sư phạm tiếng Anh chưa đa dạng, Tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và người học.

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

- Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

- Chưa có những phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập

của sinh viên và rà soát, điều chỉnh phù hợp về CTĐT để SV có thể tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên quy mô các đề tài còn nhỏ.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh, cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT:

- + Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

- + Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, CTĐT hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

- + Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR CTĐT như thông qua các trang mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, youtube... bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang sinh viên, truyền hình.

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học...).

- Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

- Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

- Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng một CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CĐR chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ

sốt các yêu cầu của CDR ngành Sư phạm tiếng Anh. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CDR của CTĐT.

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

- Tăng cường số môn học và tín chỉ môn học trong các học phần tự chọn.

- Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và khoa Sư phạm Ngoại ngữ tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn thông qua website của trường, của khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,... đặc biệt vào các thời điểm như dịp hè, thời điểm tuyển sinh, kết thúc các kỳ học, năm học để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh, khoa Sư phạm Ngoại ngữ và ngành Sư phạm tiếng Anh, biết rõ Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu về trường, khoa và ngành Sư phạm tiếng Anh một cách dễ dàng.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tích hợp cho giảng viên và sinh viên;

- Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO;

- Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.

- Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến người học vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.

- Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.

- Cần thực hiện thông báo kết quả học tập người học đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả

học tập trên website của nhà trường

- Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các giảng viên, nghiên cứu viên

- Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;

- Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm

- Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ

- Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH

- Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường

- Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh

- Có kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;

- Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện.

- Khoa và bộ môn lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn bộ CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp, kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp

- Bố trí nhiều phòng tự học cho sinh viên tại các giảng đường A,B,D. Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê mi na, phòng tập giảng cho SV ngành Sư phạm tiếng Anh nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung.

- Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng internet tại các phòng học máy tính.

- Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và

cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

- Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình, tài liệu tham khảo

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành Sư phạm tiếng Anh của các trường đại học trong nước và quốc tế từ năm học 2020 - 2021, do Khoa Sư phạm ngoại ngữ làm đầu mối.

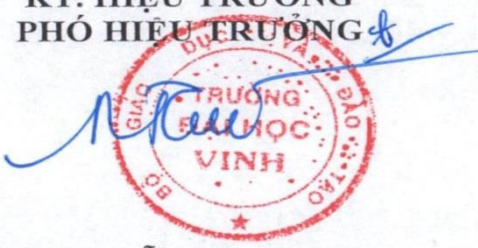
- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên ngành SPTA.

- Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Sư phạm tiếng Anh**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4,60	3	100
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,40	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5						6				
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,00	50	100

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

ngành Sư phạm tiếng Anh

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452; Số fax: 038 3855 269
E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ
 - Tiếng Anh: Foreign Languages Department
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Sư phạm tiếng Anh

- Tiếng Anh: English Language Teacher Education

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Ngoại ngữ

15. Mã CTĐT: 7140231

16. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh

- Tiếng Anh: English Language Teacher Education

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Tầng 2 Nhà A0 Trường Đại học Vinh số 182 Lê Duẩn Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ: (0238) 3855452; Số fax: (0238) 8.552.269

E-mail: khoangoaingu@vinhuni.edu.vn; Website:

<http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 1994

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1994

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1998

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Quá trình phát triển của khoa Sư phạm Ngoại ngữ trải dài 55 năm lịch sử. Từ năm 1959 khi phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập, tiếng Nga là ngoại ngữ đầu tiên giảng dạy cho sinh viên. Sau đó các ngoại ngữ Anh, Pháp và Trung Quốc được đưa vào chương trình đào tạo ở các ngành khác nhau. Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ giảng dạy bốn thứ tiếng phổ biến: Anh, Pháp, Nga, và Trung Quốc.

Trường Đại học Sư phạm Vinh đã phát triển thành Trường Đại học đa ngành vào năm 2001 với thế mạnh đào tạo các ngành sư phạm. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 02 phó giáo

sư và 07 tiến sĩ, 03 nghiên cứu sinh nước ngoài, 13 giảng viên chính, 37 thạc sĩ và 02 cán bộ có trình độ cử nhân (đang học Thạc sĩ). Đội ngũ giảng viên được đào tạo sau đại học ở các nước phát triển ngày càng nhiều như Canada, Niu Zi Lân, Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ, Úc, Nga. Hầu hết cán bộ giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa có mối quan hệ tốt với Hội huynh đệ Á - Âu, Côtes D'Armor - Việt nam, Hội ABCDE - Cộng hoà Pháp, tổ chức Giáo dục Đại học Canada (WUSC), Viện Anh ngữ Hoa Kỳ (ELI), Phòng Thông tin - Văn hoá Đại sứ quán Hoa Kỳ, Chương trình Fulbright Việt Nam, Trường Đại học Rajabhat Maha Sarakham và Trường Đại học Udon Thani Vương Quốc Thái Lan, v.v.

Khoa hiện có 03 mã ngành đào tạo bậc đại học: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh và 01 ngành thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Hình thức đào tạo của khoa bao gồm: Chính quy, Vừa làm vừa học và Liên kết quốc tế theo mô hình du học bán phần (02 năm đầu tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và 02 năm cuối ở một trường nước ngoài và ngược lại). Ngoài ra, Khoa còn phụ trách chương trình tập huấn bồi dưỡng chuyên môn (năng lực tiếng, KTĐG, PPGD, tiếng Anh cộng đồng) thường xuyên cho giáo viên phổ thông.

Từ năm học 2016-2017 đến 2019-2020, Khoa đã đào tạo được 6.049 sinh viên, trong đó: 482 học viên cao học, 4.741 sinh viên chính quy, 702 học viên vừa làm vừa học, 124 sinh viên liên kết đào tạo du học bán phần tại các trường đại học Trung Quốc và sinh viên Thái Lan. Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi ra trường gần 100% ở các lĩnh vực của đời sống xã hội. Số sinh viên đang học tập tại Khoa hiện nay có 1.042 người: 779 sinh viên chính quy, 47 sinh viên Thái Lan, 37 học viên cao học, 184 học viên học văn bằng 2.

Sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Nghiệp vụ Sư phạm, Rèn nghề và các phong trào Văn hóa - Văn nghệ và Tình nguyện. Các sự kiện được tổ chức thường xuyên của khoa bao gồm: hội thi Phiên dịch giỏi, nghiệp vụ sư phạm, Hội thi du lịch, lễ hội Halloween, chương trình *FLD's got talent*, Không gian Anh ngữ (*English speaking zone*).

Cán bộ và sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu sinh viên, giảng viên của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các sinh

viên có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Liên chi đoàn và Liên chi hội sinh viên thành lập "*Quỹ tình bạn*" để trao những suất quà hàng năm cho sinh viên vượt khó học giỏi. Quỹ thực sự đã góp phần giúp nhiều sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong điều kiện gia đình gặp khó khăn và là động lực cho sinh viên phấn đấu.

Với truyền thống 55 năm của Trường Đại học Vinh và là một trong 10 đơn vị nòng cốt của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, khoa Sư phạm Ngoại ngữ là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tốt nhất khu vực Bắc Trung Bộ, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn cựu sinh viên trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công các hội thảo khoa học; xuất bản giáo trình, tập bài giảng; công bố hàng các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Sau 21 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng tăng. Một số đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

Chức năng, nhiệm vụ

- Chức năng:

Khoa Sư phạm ngoại ngữ có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh và Sau đại học ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh; bồi dưỡng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan đến lĩnh vực ngoại ngữ.

- Nhiệm vụ:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học
- Đào tạo trình độ Cử nhân Liên kết quốc tế theo mô hình du học bán phần
- Đào tạo tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trong toàn Trường
- Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh phổ thông các tỉnh Bắc trung bộ thuộc Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020.
- Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ
- Hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước.
- Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn năng lực tiếng Anh dành cho người Việt Nam (VSTEP).

Hoạt động đào tạo

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

- Hệ đại học chính quy:

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (1994) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Khoa đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cho ngành SPTA. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và Khoa đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh theo hướng tiếp cận CDIO. Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy định. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

- Hệ đào tạo Sau đại học:

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại Khoa đang đào tạo Thạc sĩ Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và

chăm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm Khoa, các Bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của hơn 22 chuyên đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Ngoài tuyển sinh 2 mã ngành Đại học chính quy, 01 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chính thức đào tạo Thạc sĩ Phương pháp giảng dạy tiếng Anh từ năm 2012. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo và cấp bằng cho 08 khóa Thạc sĩ Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Số lượng học viên cao học tăng nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học ngành PP giảng dạy tiếng Anh ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất lớn.

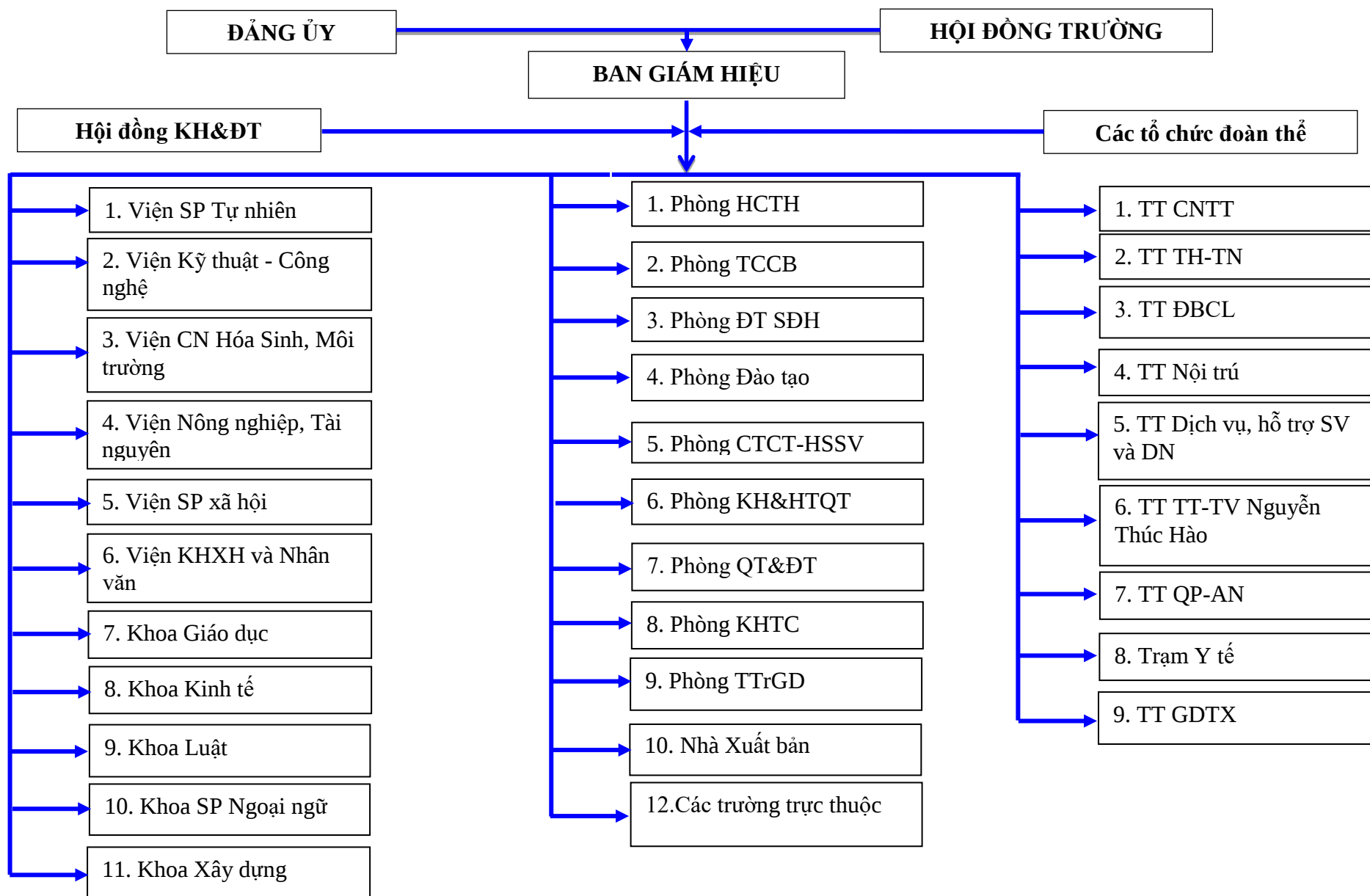
Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ còn có Phòng tự học, Phòng học tiếng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 21 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã được khen thưởng:

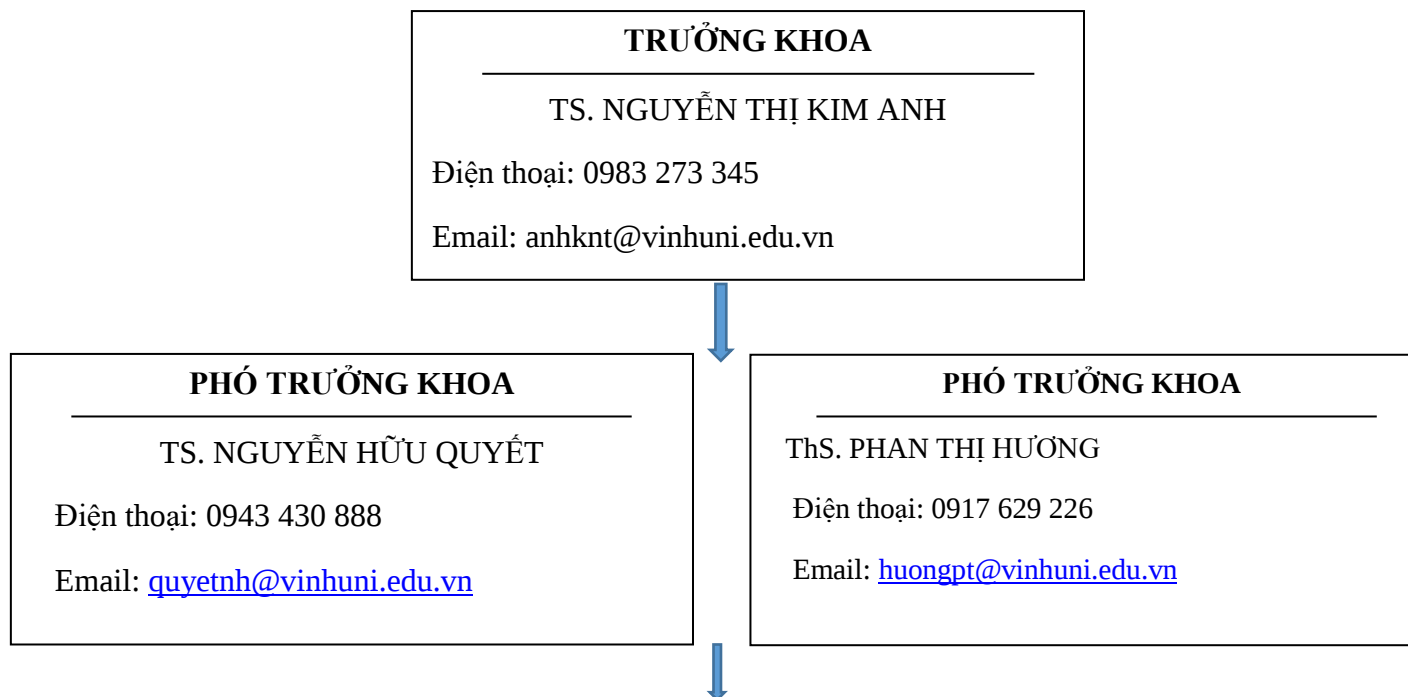
- + Tập thể lao động tiên tiến (2018);
- + Đảng bộ Bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (2018)
- + Tập thể Lao động tiên tiến (2019)
- + Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2019)

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Vinh và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ



DANH SÁCH TRƯỞNG BỘ MÔN				
TT	HỌ VÀ TÊN	TRƯỞNG BỘ MÔN	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	ThS Hoàng Tăng Đức	Kỹ năng tiếng Anh	0912226151	ducht@vinhuni.edu.vn
2	PGS.TS. Trần Thị Ngọc Yến	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	0948287264	anhntk@vinhuni.edu.vn
3	TS. Nguyễn Duy Bình	Biên-Phiên dịch	0947492309	duybinhspnn@vinhuni.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Lý thuyết tiếng Anh	0912341888	yenttn@vinhuni.edu.vn
5	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh	Ngoại ngữ chuyên ngành	0898606686	hanhlтт@vinhuni.edu.vn

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh						
1	BT Đảng ủy, Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Ngọc Hiền	1975	TS	0912.574484	hiennn@vinhuni.edu.vn
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	GS.TS	038.3733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	TS	0943299777	tientb@vinhuni.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	TS	0932 341888	cucntt@vinhuni.edu.vn
5.	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983.551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
Khoa Sư phạm Ngoại ngữ						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Kim Anh	1979	TS	0983273345	anhknt@vinhuni.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Hữu Quyết	1979	TS	0943430888	quyetnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Trưởng Khoa	Phan Thị Hương	1972	ThS	0917629226	phanvanhuong72@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ BP	Nguyễn Thị Kim Anh	1979	Bí thư	0912341888	anhknt@vinhuni.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Công đoàn	Vũ Thị Việt Hương	1970	Chủ tịch	0989546440	viethuong2008@gmail.com
3	Liên chi đoàn	Nguyễn Văn Anh	1994	Bí thư	0975408568	vananh53a@gmail.com
4	Liên chi hội sinh viên	Nguyễn Nguyệt Anh	2002	LCH	0988499990	naanh25@gmail.com
III. Các trợ lý hành chính						
1	Trợ lý đào tạo	Lê Diệu Linh	1995	ThS	0941523347	linh1531995@gmail.com
2	Trợ lý QLSV	Phan Thị Đào Quyên	1991	CV	0977760720	daoquyen286@gmail.com
3	Cố vấn học tập	Nguyễn Thị Tô Hằng	1988	ThS	0984466144	hangnnto88@gmail.com
4	Văn phòng khoa	Nguyễn Thị Lan Hương	1976	CV	0982534678	huongba2011@gmail.com
IV. Các bộ môn						
1	BM Kỹ năng tiếng Anh	Hoàng Tăng Đức	1974	ThS	0912226151	ducht@vinhuni.edu.vn
2	BM Lý thuyết tiếng Anh	Nguyễn Thị Kim Anh	1979	TS	0912341888	anhntk@vinhuni.edu.vn
3	BM Biên - Phiên dịch	Nguyễn Duy Bình	1975	TS	0947492309	duybinhspnn@vinhuni.edu.vn
4	BM PPGD Tiếng Anh	Trần Thị Ngọc Yến	1980	PGS. TS	0948287264	yenttn@vinhuni.edu.vn
5	BM Ngoại ngữ chuyên ngành	Lê Thị Tuyết Hạnh	1981	TS	0898606686	hanhltt@vinhuni.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 3

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 2

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 6

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	12	37	49
I.1	Cán bộ trong biên chế	12	35	47
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	2	2
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	04	04
	Tổng số	12	41	53

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

**Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Sư phạm Ngoại ngữ
theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2020-2021 (tính đến tháng 04/2021):**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	4,1	1	1	0	0	1	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	08	16,2	3	5	0	2	4	1	1
5	Thạc sĩ	37	75,6	8	29	2	9	24	3	0
6	Đại học	02	4,1	0	2	2	0	0	0	0
	Tổng	49	100	12	37	4	11	29	4	1

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 54 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,1%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	3,0	2	2	0	1	0	0	6,3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	8	8	0	4	0	0	17,2
5	Thạc sĩ	1	37	37	0	4	0	0	38,2
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	
	Tổng		49	49	0	9	0	0	61,7

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

31. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

(số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	4,1	1	1	0	0	1	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	08	16,2	3	5	0	2	4	1	1
5	Thạc sĩ	37	75,6	8	29	2	9	24	3	0
6	Đại học	02	4,1	0	2	2	0	0	0	0
	Tổng	49	100	12	37	4	11	29	4	1

31.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

31.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20.3%

31.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 75,6%

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

33. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	113	108	95,58	65	15	17.25	3
2017-2018	102	90	88,23	66	15.5	17.75	4
2018-2019	94	93	98,93	84	14	16.25	9
2019-2020	95	90	94,73	72	15	17.5	15
2020-2021	105	100	95,23	90	15	17	4

34. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	
2. Học viên cao học	62	149	102	169	92
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	58	125	57	121	224
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

35. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	40	25	15	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

36. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	520	742,5	498,2	540	416
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	52	75	53	60	52
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	52	75	53	60	52
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	10m ²	9,9m ²	9,4m ²	9m ²	8m ²

37. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0			01			1
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	3	10	6	2	12
4	Tổng		1	3	11	5	2	13

38. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	78	75	61	42	58
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	200	136	122	116	36
Hệ chính quy	200	136	122	116	36
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT: Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	43	72	78	70	47
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	89,58	85,71	90,70	92,11	81,03
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT: Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	84,1%	86,1%	85,9%	85,7%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	12,6%	10,8%	11,5%	10,7%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	3,3%	3,1%	2,6%	3,6%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều					

Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT: Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	36,0%	50,4%	15,5%	44,3%	-
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	25,3%	32,9%	69%	36,8%	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng)	6,1	6,9	7,4	7,5	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	31/40 (77,50%)	30/36 (83,33%)	65/76 (85,52%)	60/70 (85,71%)	53/62 (85,48%)
5.2. Tỷ lệ người học cơ	6/40	4/36	9/76	9/70	8/62

Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT: Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	(15,00%)	(11,11%)	(11,84%)	(12,85%)	(12,9%)
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	3/40 (7,5%)	2/36 (5,5%)	2/76 (2,6%)	1/70 (1,4%)	1/62 (1,6%)

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

39. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây: (từ 2015-2016 đến 2019-2020)

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						-
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0			01			1
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	3	10	6	2	12
4	Tổng		1	3	11	5	2	13

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 44,55%

40. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

41. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		5	47	
Từ 4 đến 6 đề tài		-	5	
Trên 6 đề tài		-	0	
Tổng số cán bộ tham gia		5	52	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

42. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	02	0	0	1	0	6
2	Sách giáo trình	1,5	0	1	1	0	1	4.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	5	0	0	0	5
4	Sách hướng dẫn	0,5	0					-
5	Tổng		2	6	2	1	1	15.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 40

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 48

43. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		4	30	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	30	

44. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	02	06	04	04	04	30
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	03	06	01	01	10	12
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		5	12	5	5	14	42

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 341,4

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 56

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	10	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	10	0

46. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	13	07	6	6	0	32
2	Hội thảo trong nước	0,5	11	0	11	11	8	20,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		24	7	17	17	8	52,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu

trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

48. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	-
2017-2018	-
2018-2019	-
2019-2020	-
2020-2021	-

49. Nghiên cứu khoa học của người học

49.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài			16	
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			16	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

49.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công

trình được công bố) (SỐ LIỆU chưa chính xác)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	4	3	4	5
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

50. Cơ sở vật chất, thư viện

51. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 441.265

52. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 81.143.

- Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.266 m² Nơi học: 51.054 m² Nơi vui chơi giải trí: 26.823 m²

53. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,81 m²/1 SV

54. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.082 đầu sách.

55. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1,116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 49

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90.5 (48/53)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): Năm học 2020 - 2021: 224 SV (K61 SPTA)

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 4.6

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): Năm 2015 - 2016: 89,58%; Năm 2016 - 2017: 85,71%; Năm 2017 - 2018: 90,70%; Năm 2018 - 2019: 92,11%; Năm 2019 - 2020: 81,03%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 84,1%; Năm 2016 - 2017: 86,1%; Năm 2017 - 2018: 85,9%; Năm 2018 - 2019: 85,7%.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Năm 2015 - 2016: 12,6%; Năm 2016 - 2017: 10,8%; Năm 2017 - 2018: 11,5%; Năm 2018 - 2019: 10,7%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 36,0%; Năm 2016 - 2017: 50,4%; Năm 2017 - 2018: 15,5%; Năm 2018 - 2019: 44,3%.

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): Năm 2015 - 2016: 25,3%; Năm 2016 - 2017: 32,9%; Năm 2017 - 2018: 69%; Năm 2018 - 2019: 36,8%.

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): Năm 2015 - 2016: 6,1; Năm 2016 - 2017: 6,9; Năm 2017 - 2018: 7,4; Năm 2018 - 2019: 7,5.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Năm 2015 - 2016: 19,6%; Năm 2016 - 2017: 21,7%; Năm 2017 - 2018: 24,2%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Năm 2015 - 2016: 60,2%; Năm 2016 - 2017: 59,7%; Năm 2017 - 2018:

53,7%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13%

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 42

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 52.5

7. Cơ sở vật chất

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,37 máy tính/ 1 người học chính quy.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,81 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 8 m²/1 SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Số: *122* /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày *15* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất
và Tài chính - Ngân hàng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV, ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-ĐHV, ngày 30/10/2019 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Sư phạm tiếng Anh, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục Thể chất và Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trần Bá Tiến	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Ông Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
7	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng PT phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Phó Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
14	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
15	Bà Trần Thị Ngọc Yến	TBM PPGD Tiếng Anh	Thành viên
16	Ông Hoàng Tăng Đức	TBM Kỹ năng Tiếng Anh	Thành viên
17	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó TBM Lý thuyết Tiếng Anh	Thành viên
18	Ông Nguyễn Duy Bình	TBM Biên phiên dịch Tiếng Anh	Thành viên
19	Ông Nguyễn Hồng Thắng	Sinh viên lớp 59A, SP Tiếng Anh	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Sư phạm Tiếng Anh**

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
6	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
7	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
12	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
13	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
14	Bà Lê Thị Tuyết Hạnh	TBM Ngoại ngữ chuyên ngành	Thành viên
15	Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó TBM Ngoại ngữ chuyên ngành	Thành viên
16	Bà Trần Thị Khánh Tùng	GV Bộ môn Kỹ năng Tiếng Anh	Thành viên
17	Bà Nguyễn Thị Bích Hiền	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
18	Bà Lê Thị Thanh Bình	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
19	Bà Nguyễn Thị Dương Ngọc	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
20	Bà Lê Diệu Linh	Trợ lý đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
21	Bà Nguyễn Thị Tô Hằng	Cố vấn học tập Khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
22	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	GV Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh	Thành viên
23	Bà Đinh Thị Mai Anh	GV Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh	Thành viên
24	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Bí thư LCD Khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên

Danh sách này gồm có 24 người./.



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ngành Sư phạm Tiếng Anh)

(Kèm theo Quyết định số: 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1: Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
1	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Bà Lê Diệu Linh	Trợ lý đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hiền	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
5	Ông Đào Quang Thắng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 2: Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			(6 tiêu chí)
1	Ông Hoàng Tăng Đức	TBM Kỹ năng tiếng Anh	Trưởng nhóm
2	Bà Lê Thị Thanh Bình	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hiền	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
5	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 3: Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			(10 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Phó Trưởng SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Tô Hằng	Cố vấn học tập Khoa SP Ngoại ngữ	Thư ký
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
4	Bà Nguyễn Văn Anh	Bí thư LCĐ Khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4: Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			(12 tiêu chí)
1	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng Khoa SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thư ký
3	Bà Lê Thị Tuyết Hạnh	TBM Ngoại ngữ chuyên ngành	Thành viên
4	Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó TBM Ngoại ngữ chuyên ngành	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 5: Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Duy Bình	TBM Biên - Phiên dịch	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Dương Ngọc	GV Bộ môn PPGD Tiếng Anh	Thành viên
4	Ông Nguyễn Anh Lương	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
NHÓM 6: Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.			(11 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			
1	Bà Trần Thị Ngọc Yên	TBM PPGD Tiếng Anh	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	GV BM Lý thuyết Tiếng Anh	Thư ký
3	Bà Lê Thị Thanh Bình	GV BM PPGD Tiếng Anh	Thành viên
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó TBM Lý thuyết Tiếng Anh	Trưởng nhóm
2	Bà Trần Thị Khánh Tùng	GV Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh	Thư ký
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
4	Bà Đinh Thị Mai Anh	GV Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh

1. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

- Đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2016 -31/12/2020).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về Sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Tiếng Anh* được thành lập theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHV ngày 15 / 01 /2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 19 thành viên (có danh sách kèm theo).

4.2. Ban Thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 24 người (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	25/01/2021 - 05/07/2021	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	25/01/2021 - 05/07/2021	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	25/01/2021 - 05/07/2021	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	25/01/2021 - 05/07/2021	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	25/01/2021 - 05/07/2021	

6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	25/01/2021 - 05/07/2021	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Nhóm 7	25/01/2021 - 12/07/2021	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	25/01/2021-05/07/2021

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động, ... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (04/01/2021 - 17/01/2021)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa Sư phạm Ngoại ngữ) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 (18/01/2021 - 24/01/2021)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 4 - 12 (25/01/2021 - 28/03/2021) (Thời gian nghỉ tết từ ngày 10/02/2021 đến ngày 16/02/2021)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 13 - 19 (29/03/2021 - 16/05/2021)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 20 (17/05/2021 - 23/05/2021)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 21 - 22 (24 /05/2021 - 06/06/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 23 - 25 (07/06/2021 - 21/06/2021)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 26 - 27 (22/06/2021 - 05/07/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 28 (06/07/2021 - 12/07/2021)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng